

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nghiêm Thị Cúc
Giảng viên hướng dẫn : Th.S Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG - 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ
TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TNHH BAO
BÌ VIỆT HÙNG**

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nghiêm Thị Cúc

Giảng viên hướng dẫn: Th.S Nguyễn Đức Kiên

HẢI PHÒNG – 2014

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nghiêm Thị Cúc

Mã SV: 1012401168

Lớp: QT 1401K

Ngành: Kế toán - Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ)
 - Nghiên cứu lý luận chung về kế toán nguyên vật liệu tại Công ty
 - Mô tả thực trạng công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng
 - Đề xuất một số giải pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng
2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.
 - Sử dụng số liệu về tình hình kinh doanh của Công ty TNHH bao bì Việt Hưng trong năm 2013
 - Sử dụng về số liệu thực trạng kế toán nguyên vật liệu tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng
3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp:
 - Công ty TNHH bao bì Việt Hưng
 - Địa chỉ: 310 – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Đức Kiên

Học hàm, học vị: Thạc sĩ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 31 tháng 03 năm 2014

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 6 tháng 7 năm 2014

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Nghiêm Thị Cúc

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

Th.s Nguyễn Đức Kiên

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2014

Hiệu Trưởng

GS.TS.NGƯT Trần Hữu Nghị

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Chủ động nghiên cứu, luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu được giáo viên hướng dẫn giao cho.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Bài viết của sinh viên *Nghiêm Thị Cúc* đã đáp ứng được yêu cầu của một khóa luận tốt nghiệp. Kết cấu của khóa luận được tác giả sắp xếp khoa học, hợp lý được chia làm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất. Trong chương này tác giả đã hệ thống hóa một cách chi tiết và đầy đủ các vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán nguyên vật liệu trong doanh nghiệp theo quy định hiện hành.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng. Trong chương này tác giả đã giới thiệu được những nét cơ bản về Công ty như lịch sử hình thành và phát triển, đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh, mô hình tổ chức bộ máy quản lý,... Đồng thời tác giả cũng đã trình bày được khá chi tiết và cụ thể thực trạng công tác tập hợp chi phí và tính giá thành sản phẩm tại Công ty. Bài viết có số liệu minh họa cụ thể (Tháng 12 năm 2013). Số liệu minh họa trong bài viết chi tiết, phong phú và có tính logic cao.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng. Trong chương này tác giả đã đánh giá được những ưu điểm, nhược điểm của công tác kế toán nguyên vật liệu tại Công ty, trên cơ sở đó tác giả đã đưa ra được các giải pháp hoàn thiện có tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bảng số:

Bảng chữ:

Hải Phòng, ngày 28 tháng 06 năm 2014

Cán bộ hướng dẫn

Th.s Nguyễn Đức Kiên

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

DANH MỤC BẢNG BIỂU SƠ ĐỒ

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1 LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT	3
1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.....	3
1.1.1. Bản chất của chi phí sản xuất.....	3
1.1.2. Nội dung của chi phí sản xuất.....	3
1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm.....	4
1.2.1. Bản chất của giá thành sản phẩm.	4
1.2.2. Chức năng của giá thành.	6
1.3. Phân loại chi phí sản xuất.....	7
1.4. Phân loại giá thành sản phẩm.....	9
1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành.	9
1.5.1. Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành....	10
1.5.2. Xác định kỳ tính giá thành.	10
1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất.....	11
1.6.1. Phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí vật liệu trực tiếp.....	11
1.6.2. Phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí nhân công trực tiếp.....	12
1.6.3. Phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung.....	13
1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm	16
1.7.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn (<i>phương pháp trực tiếp</i>).....	16
1.7.2. Phương pháp loại trừ.....	16
1.7.3. Phương pháp hệ số.	16
1.7.4. Phương pháp tỷ lệ.....	17
1.7.5. Phương pháp đơn đặt hàng.....	17

1.7.6. Phương pháp định mức	18
1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang	18
1.8.1. Phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (hoặc chi phí nguyên vật liệu chính).....	19
1.8.2. Phương pháp ước lượng sản phẩm tương đương.....	19
1.8.3. Phương pháp đánh giá theo giá thành định mức.....	20
1.9 Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.....	21
1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.	21
1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	22
1.10 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.....	22
1.11 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán	26
1.11.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung	26
1.11.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.	27
1.11.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.	28
1.11.4 Hình thức Nhật ký – Chứng từ.....	29
1.11.5 Hình thức kế toán trên máy tính.	30
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ VIỆT HUNG.....	31
2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	31
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH bao bì Việt Hưng. ..	31
2.1.2. Đặc điểm sản xuất, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.	32
2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng .	33
Phòng Tài Chính Kế toán:.....	34
Phòng kế hoạch quản lý sản xuất:	34

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	34
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	34
2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty	35
2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	37
2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất.....	37
2.2.1.1. Đặc điểm của chi phí sản xuất tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng ...	37
2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	37
2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng	37
2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng .	37
2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	38
2.2.3.1. Kỳ tính giá thành tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	38
2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng	38
2.2.4. Nội dung trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	38
2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	38
2.2.4.2. Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng	52
2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng.....	62
2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm.....	70
CHƯƠNG 3: MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM BAO BÌ VIỆT HƯNG.....	76
3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng.	76

3.1.1. Ưu điểm.....	76
3.1.2. Nhược điểm.....	78
3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính.....	79
3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán CPSX – Z sản phẩm tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	81
3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	81
3.4.1. Kiến nghị 1: Việc hiện đại công tác kế toán và đội ngũ kế toán	81
3.4.2. Kiến nghị 2: Về chế độ kế toán.....	82
3.4.3. Kiến nghị 3: Về phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho	83
3.4.4. Kiến nghị 4: Về các khoản trích theo lương	84
3.4.5. Kiến nghị 5: Về thiệt hại trong sản xuất	84
3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	85
3.5.1. Về phía Nhà nước.....	85
3.5.2. Về phía doanh nghiệp.....	85
KẾT LUẬN	87
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	88

LỜI CẢM ƠN

Trong suốt thời gian bắt đầu thực tập và thực hiện khoá luận “ Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng” em đã hoàn thành khoá luận với sự quan tâm, giúp đỡ của các thầy cô giáo và tập thể cán bộ nhân viên công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng. Em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc đến:

Các thầy cô trường Đại học Dân lập Hải Phòng đặc biệt là các thầy cô khoa Quản trị kinh doanh của trường đã tận tâm truyền đạt vốn kiến thức quý báu cũng như những kinh nghiệm quý giá đã giúp em có được nền tảng kiến thức chuyên ngành về Kế toán - Kiểm toán. Nền tảng kiến thức này không chỉ giúp em hoàn thành chương trình học tại trường mà còn giúp em trong những công việc thực tế sau này.

Tập thể cán bộ công nhân viên công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng đã tạo điều kiện để em có thể tiếp cận những kiến thức thực tế cũng như giúp đỡ, ủng hộ em hoàn thành bài khoá luận đúng thời gian và nội dung quy định.

Và đặc biệt em xin gửi lời cảm ơn chân thành và sâu sắc tới thầy giáo – Th.s Nguyễn Đức Kiên đã tận tâm hết lòng giúp đỡ và hướng dẫn em từ việc củng cố lại kiến thức chuyên ngành đến cách thức tiếp cận thực tiễn tại đơn vị thực tập để giúp em hoàn thành bài khoá luận.

Do thời gian và trình độ còn hạn chế nên trong quá trình hoàn thiện bài khoá luận không thể tránh khỏi những thiếu sót nhất định. Em mong các thầy cô, các bạn sinh viên đóng góp ý kiến để bài khoá luận được hoàn chỉnh.

DANH MỤC BẢNG BIỂU SƠ ĐỒ

Danh mục sơ đồ:

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	12
Sơ đồ 1.2: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp.....	13
Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí nhân sản xuất chung.....	15
Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên.....	21
Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ.....	22
Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật kí chung	26
Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái	27
Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ	28
Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật kí - chứng từ	29
Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính	30
Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất túi nilon PE tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng..	32
Sơ đồ 2.2: Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty TNHH bao bì Việt Hưng	33
Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy toán Công ty TNHH bao bì Việt Hưng	35
Sơ đồ 2.4: Sơ đồ ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	36

Danh mục bảng biểu:

Biểu số 2.1: Một số chỉ tiêu thể hiện tình hình phát triển của công ty TNHH bao bì Việt Hưng.....	32
Biểu số 2.2: Lệnh sản xuất	40
Biểu số 2.3: Hoá đơn giá trị gia tăng.....	41
Biểu số 2.4: Phiếu nhập kho.....	42
Biểu số 2.5: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá).....	43
Biểu số 2.6: Phiếu yêu cầu xuất vật tư.....	44
Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho.....	45
Biểu số 2.8: Bảng kê xuất nguyên vật liệu.....	46
Biểu số 2.9: Trích Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.	48
Biểu số 2.10: Bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.....	49
Biểu số 2.11: Trích sổ Nhật ký chung tháng 12/2013.....	50
Biểu số 2.12: Trích Sổ cái TK 154 tháng 12/2013.....	51
Biểu số 2.13: Bảng chấm công.....	53
Biểu số 2.14: Bảng thanh toán lương.....	55
Biểu số 2.15: Bảng trích các khoản theo lương	56
Biểu số 2.16: Bảng tổng hợp tiền lương và trích theo lương.....	57
Biểu số 2.17: Bảng phân bổ tiền lương.....	58
Biểu số 2.18: Trích sổ Nhật ký chung tháng 12/2013.....	59
Biểu số 2.19: Trích Sổ cái TK 154 tháng 12/2013.....	60
Biểu số 2.20: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh	61
Biểu số 2.21: Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn.....	63
Biểu số 2.22: Bảng tính và phân bổ khấu hao.....	65
Biểu số 2.23: Hoá đơn giá trị gia tăng tiền điện.....	66
Biểu số 2.24: Trích sổ Nhật ký chung tháng 12/2013.....	67
Biểu số 2.25: Trích sổ cái TK 154 tháng 12/2013	68
Biểu số 2.26: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh	69
Biểu số 2.27: Bảng phân bổ chi phí sản xuất.....	71
Biểu số 2.28: Bảng tính giá thành	72
Biểu số 2.29: Bảng kê nhập kho thành phẩm.....	73
Biểu số 2.30: Trích sổ Nhật ký chung tháng 12/2013.....	74
Biểu số 2.31: Trích sổ cái TK 154 tháng 12/2013	75

DANH MỤC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

TNHH	: Trách nhiệm hữu hạn
NVL	: Nguyên vật liệu
SP	: Sản phẩm
Z	: Giá thành
SXSP	: Sản xuất sản phẩm
SXKD	: Sản xuất kinh doanh
K/C	: Kết chuyển
QLDN	: Quản lý doanh nghiệp
CP	: Chi phí
CPSX	: Chi phí sản xuất
CPSXC	: Chi phí sản xuất chung
CNTT	: Công nhân trực tiếp
CNSX	: Công nhân sản xuất
CPNVLTT	: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
TSCĐ	: Tài sản cố định
KH TSCĐ	: Khấu hao tài sản cố định
SPDD	: Sản phẩm dở dang
BHXH	: Bảo hiểm xã hội
BHYT	: Bảo hiểm y tế
BHTN	: Bảo hiểm thất nghiệp
KPCĐ	: Kinh phí công đoàn

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài nghiên cứu

Đối với mỗi doanh nghiệp sản xuất thì giá thành luôn là một yếu tố quan trọng để doanh nghiệp có thể tái sản xuất và tìm kiếm lợi nhuận. Giá thành chính là thước đo mức chi phí tiêu hao phải bù đắp sau mỗi kỳ kinh doanh, vì trước khi quyết định lựa chọn sản xuất trong bất kỳ một loại sản phẩm nào thì bản thân doanh nghiệp phải nắm bắt được nhu cầu, giá cả thị trường và điều tất yếu phải xác định đúng mức chi phí sản xuất mà doanh nghiệp phải đầu tư. Doanh nghiệp muốn giành thắng lợi trong cạnh tranh bên cạnh nâng cao chất lượng, đổi mới sản phẩm thì hạ giá thành sản phẩm là một biện pháp hữu hiệu không kém. Để hạ giá thành sản phẩm thì một vấn đề mà các doanh nghiệp cần quan tâm nhất là tiết kiệm chi phí sản xuất. Do đó, công tác hạch toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành trong các doanh nghiệp là rất quan trọng.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm của doanh nghiệp nói chung và của công ty TNHH bao bì Việt Hưng nói riêng, trong thời gian thực tập tại công ty em đã đi sâu tìm hiểu công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, em lựa chọn đề tài “***Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng***” làm khóa luận tốt nghiệp với mong muốn trau dồi và củng cố kiến thức về mặt lý luận cũng như học hỏi kinh nghiệm thực tế để hoàn thiện hơn những kiến thức đã học trong trường và phục vụ cho công việc sau này.

2. Mục đích nghiên cứu

- Nghiên cứu để làm rõ những nhận thức chung về tổ chức tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại doanh nghiệp sản xuất.
- Làm rõ thực trạng về công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng.
- Hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài

Đề tài nghiên cứu các khoản mục chi phí được tập hợp để tính giá thành sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng.

4. Phương pháp nghiên cứu của đề tài

- Các phương pháp kế toán (phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản, phương pháp tính giá, phương pháp tổng hợp cân đối).
- Phương pháp thống kê và so sánh.
- Phương pháp chuyên gia.
- Phương pháp điều tra.
- Phương pháp nghiên cứu tài liệu để kế thừa thành tựu.

5. Kết cấu của khoá luận

Kết cấu của đề tài ngoài phần mở đầu và kết luận, khoá luận tốt nghiệp gồm 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong các doanh nghiệp sản xuất.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng.

CHƯƠNG 1

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TRONG CÁC DOANH NGHIỆP SẢN XUẤT

1.1. Bản chất và nội dung kinh tế của chi phí sản xuất.

1.1.1. Bản chất của chi phí sản xuất.

- Hoạt động kinh doanh tồn tại dưới bất kỳ hình thức nào cũng là quá trình tiêu hao các yếu tố: tư liệu lao động, đối tượng lao động và mức độ lao động. Đó chính là các yếu tố đầu vào của hoạt động kinh doanh.
- Các chi phí mà được các doanh nghiệp phải đầu tư rất đa dạng nhưng tựu chung bao gồm các khoản:
 - Chi phí về nguyên, nhiên, vật liệu.
 - Chi phí về nhân công.
 - Chi phí về khấu hao tài sản cố định.
 - Các chi phí bằng tiền khác.
- Các loại chi phí này phát sinh một cách thường xuyên trong quá trình sản xuất kinh doanh, nó luôn vận động, thay đổi trong quá trình tái sản xuất, tính đa dạng của nó luôn luôn được biểu hiện cụ thể gắn liền với sự đa dạng, phức tạp của các loại hình sản xuất khác nhau, của các giai đoạn công nghệ sản xuất khác nhau của sự phát triển không ngừng của tiến bộ khoa học kỹ thuật.

1.1.2. Nội dung của chi phí sản xuất.

- Chi phí sản xuất kinh doanh là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ các hao phí về lao động sống và lao động vật hoá mà doanh nghiệp đã bỏ ra có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong một thời kỳ nhất định (tháng, quý, năm).
Như vậy chi phí sản xuất gồm 2 bộ phận:
 - + Chi phí về lao động sống: Là những chi phí liên quan đến việc sử dụng yếu tố mức lao động như: chi phí về tiền lương, các khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ).
 - + Chi phí về lao động vật hoá: Là các khoản chi phí liên quan đến việc sử dụng tư liệu lao động, đối tượng lao động như chi phí khấu hao tài sản cố định, chi phí nguyên vật liệu...
- Chi phí sản xuất được hình thành do có sự dịch chuyển giá trị của các yếu tố sản xuất vào sản phẩm sản xuất ra và được biểu hiện trên 2 mặt:
 - + Về mặt định tính đó là bản thân các yếu tố vật chất phát sinh và tiêu hao tạo

nên quá trình sản xuất và đạt được mục đích là tạo nên sản phẩm.

+ Về mặt định lượng đó là mức tiêu hao cụ thể của các yếu tố vật chất tham gia vào quá trình sản xuất và được biểu hiện qua các thước đo khác nhau mà thước đo chủ yếu là thước đo tiền tệ.

Cả hai mặt định tính và định lượng của chi phí sản xuất chịu sự chi phối thường xuyên của quá trình tái sản xuất và đặc điểm sản phẩm.

▪ Chi phí mà các doanh nghiệp phải chi trả đều nhằm mục đích là tạo những giá trị sử dụng nhất định cho xã hội biểu hiện thành các loại sản phẩm khác nhau. Nguyên tắc hoạt động đầu tiên của các doanh nghiệp là phải đảm bảo trang trải được các phí tổn đã đầu tư sản xuất sản phẩm. Như vậy khi sản xuất một sản phẩm nào đó thì chi phí dùng để sản xuất ra nó phải nằm trong giới hạn – giới hạn của sự bù đắp. Nếu vượt qua giới hạn này thì doanh nghiệp sẽ phá sản.

Có thể nói chi phí sản xuất kinh doanh là biểu hiện bằng tiền của toàn bộ hao phí mà doanh nghiệp phải tiêu dùng trong một kỳ để thực hiện quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Thực chất chi phí sản xuất là sự dịch chuyển vốn – dịch chuyển giá trị của các yếu tố sản xuất vào các đối tượng tính giá (sản phẩm, lao vụ, dịch vụ...).

1.2. Bản chất và chức năng của giá thành sản phẩm.

1.2.1. Bản chất của giá thành sản phẩm.

Sự vận động của quá trình sản xuất trong doanh nghiệp là một quá trình thống nhất bao gồm hai mặt có quan hệ mật thiết hữu cơ với nhau. Một là các chi phí sản xuất mà các doanh nghiệp đã chi ra, thứ hai là kết quả sản xuất đã thu được những sản phẩm, khối lượng công việc đã hoàn thành trong kỳ phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng của xã hội. Do đó, khi quyết định sản xuất một loại sản phẩm nào đó doanh nghiệp cần phải tính đến tất cả những khoản chi phí đã thực sự chi ra cho sản xuất và tiêu thụ sản phẩm đó, nghĩa là doanh nghiệp phải xác định được giá thành sản phẩm. Đề cập đến giá thành chúng ta phải hiểu được bản chất bên trong của chỉ tiêu giá thành. Giá thành được cấu tạo bởi những chỉ tiêu gì và nhìn vào giá thành ta thấy được những gì về hoạt động sản xuất kinh doanh. Ta có thể tìm hiểu về giá thành thông qua một số những quan điểm sau đây:

a) Quan điểm 1: “Giá thành là hao phí lao động sống và hao phí lao động vật hoá được dùng để sản xuất và tiêu thụ một đơn vị hoặc một khối lượng sản phẩm nhất định”.

Đây là quan điểm của nhà kinh tế Xô Viết A.Vaxin nó xuất hiện khi nền kinh tế nước ta phụ thuộc khá lớn vào Xô Viết. Đây là quan điểm có ảnh hưởng

lớn đến lý luận nước ta trong một thời gian dài.

Đầu tiên A.Vaxin tiến hành phân tích giá trị của sản phẩm được sản xuất bao gồm 3 bộ phận:

- Giá trị tư liệu sản xuất đã hao phí để sản xuất sản phẩm.
- Giá trị lao động sáng tạo ra cho mình.
- Giá trị lao động sáng tạo ra cho xã hội.

Từ đó ông đưa ra kết luận giá thành sản phẩm được tạo chủ yếu từ 2 bộ phận đầu của giá thành sản phẩm. Ông cũng nêu lên khái niệm của giá thành: “Giá thành sản phẩm bao gồm toàn bộ giá trị tư liệu sản xuất chuyển vào sản phẩm và một phần giá trị mới sáng tạo ra trả lương cho người lao động dưới hình thức tiền lương” và “ Giá thành sản phẩm là sự phản ánh bằng tiền toàn bộ chi phí có liên quan đến sản xuất và tiêu thụ sản phẩm của xí nghiệp”.

b) Quan điểm 2: “Giá thành sản phẩm là toàn bộ các khoản chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm bất kể nó nằm ở bộ phận nào trong các bộ phận cấu thành giá trị sản phẩm”.

Quan điểm này tiếp cận theo phương diện sự hình thành và phát sinh của các loại chi phí là tổng chi phí cố định và tổng chi phí biến đổi.

- Tổng chi phí cố định là toàn bộ những khoản tiền mà doanh nghiệp phải chịu trong mỗi đơn vị thời gian cho các đầu vào cố định. Tổng chi phí cố định sẽ được giữ nguyên ở mức độ không đổi, không cần biết sản lượng sản phẩm sẽ được sản xuất ra trong đơn vị thời gian đó được bao nhiêu. Tổng chi phí cố định còn được gọi là tổng chi phí bất biến.
- Tổng chi phí biến đổi là những chi phí mà khối lượng của chúng sẽ tăng giảm cùng với sự tăng giảm của sản lượng sản phẩm sản xuất ra. Do đó khi khối lượng sản phẩm càng cao thì đòi hỏi những đầu vào biến đổi nhiều hơn và vì vậy doanh nghiệp cũng phải chi những khoản tiền lớn hơn. Tổng chi phí biến đổi còn được gọi là tổng chi phí khả biến.

Từ hai khái niệm trên quan điểm này đưa ra khái niệm **Tổng chi phí** – thực chất là tổng giá thành sản phẩm:

$$\text{Tổng chi phí} = \text{tổng chi phí bất biến} + \text{tổng chi phí khả biến}$$

Nói cách khác đó là toàn bộ các đầu vào của các yếu tố vật chất nhằm mục đích tạo ra những đầu vào tương ứng không phân biệt nó nằm trong bộ phận nào của các bộ phận thuộc giá trị sản phẩm.

c) Kết luận về mặt bản chất của phạm trù giá thành.

- Giá thành sản phẩm là một phạm trù kinh tế gắn liền với sản xuất hàng hoá, giá thành sản phẩm lại là một chỉ tiêu tính toán không thể thiếu của các nhà quản lý theo nguyên tắc hạch toán kinh tế, do vậy có thể nói giá thành sản phẩm vừa mang tính chất khách quan vừa mang tính chất chủ quan ở một phạm vi nhất định. Tính khách quan của giá thành sản phẩm thể hiện ở chỗ nó là sự dịch chuyển giá trị của những tư liệu sản xuất và sự hao phí lao động sống trong quá trình thực hiện sản phẩm. Tính chủ quan của giá thành thể hiện ở chỗ việc tính toán đo lường hao phí lao động và việc phân bổ các hao phí lao động được thể hiện bằng tiền cho các đối tượng. Và việc tính toán này có chính xác hay không còn phụ thuộc rất lớn vào người làm công tác kế toán của doanh nghiệp.
- Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường hiện nay, giá thành sản phẩm bao gồm toàn bộ các khoản hao phí vật chất thực tế cần được bù đắp bất kể nó thuộc bộ phận nào trong cấu thành giá trị sản phẩm.

1.2.2. Chức năng của giá thành.

a) Chức năng thước đo bù đắp chi phí.

Toàn bộ hao phí vật chất của doanh nghiệp bỏ ra để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm phải được bù đắp bằng số tiền tiêu thụ về bán sản phẩm. Những hao phí vật chất này cần được bù đắp một cách đầy đủ, kịp thời để đảm bảo yêu cầu tái sản xuất. Bù đắp được hao phí sản xuất là vấn đề quan tâm đầu tiên của các doanh nghiệp, bởi các hiệu quả kinh tế được biểu hiện ra trước hết ở chỗ doanh nghiệp có khả năng bù lại những gì mình đã bỏ ra hay không. Dù bù đắp là khởi điểm của hiệu quả và được coi như là yếu tố đầu tiên để được xem xét hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Chức năng lập giá.

- Trong thời đại kinh tế hiện nay giá thành sản phẩm được xây dựng dựa trên cơ sở hao phí lao động xã hội cần thiết, biểu hiện mặt giá trị sản phẩm. Yêu cầu đầu tiên xây dựng giá cả đó là phải bù đắp được hao phí vật chất mà doanh nghiệp đã bỏ ra để sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, đảm bảo cho doanh nghiệp trong điều kiện sản xuất bình thường có thể bù đắp được những hao phí để thực hiện quá trình tái sản xuất.
- Giá thành sản phẩm là chỉ tiêu chất lượng tổng hợp có ý nghĩa quan trọng đối với công tác quản lý doanh nghiệp nói riêng và nền kinh tế nói chung.
- Tính tổng hợp của chỉ tiêu này được biểu hiện ở chỗ thông qua nó người ta có thể đánh giá được hiệu quả của quá trình sản xuất, chứng minh được khả năng phát triển và sử dụng các yếu tố vật chất đã thực sự tiết kiệm và hợp lý chưa.

- Tính tổng hợp còn được biểu hiện ở chỗ thông qua nó người ta có thể đánh giá được toàn bộ các biện pháp kinh tế, tổ chức kỹ thuật mà doanh nghiệp đã đầu tư trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Do tính chất quan trọng như vậy nên chỉ tiêu giá thành luôn được xem là một trong những chỉ tiêu cần được xác định một cách chính xác, trung thực để giúp các doanh nghiệp có căn cứ xem xét, đánh giá, kiểm tra và đề xuất các biện pháp thích ứng đối với hoạt động kinh doanh trong từng giai đoạn cụ thể.

c) Chức năng đòn bẩy kinh tế.

- Mục đích kinh doanh của doanh nghiệp là lợi nhuận, lợi nhuận của doanh nghiệp cao hay thấp phụ thuộc trực tiếp vào giá thành. Hạ thấp giá thành để giảm giá bán tăng lợi thế cạnh tranh. Muốn hạ thấp giá bán phải hạ thấp chi phí. Do đó để tăng lợi nhuận người quản lý phải luôn quan tâm, kiểm soát chi phí. Sau khi chi tiêu phải phân tích được sự biến động của chi phí để biết nguyên nhân của tăng, giảm chi phí mà tìm biện pháp tiết kiệm chi phí.
- Trong điều kiện nền kinh tế thị trường tính chất đòn bẩy kinh tế của giá thành đặt ra yêu cầu cho từng bộ phận sản xuất và phải có biện pháp hữu hiệu vừa tiết kiệm được chi phí, vừa sử dụng chi phí một cách hợp lý nhất đối với từng loại hoạt động, từng khoản chi phí cụ thể.

1.3. Phân loại chi phí sản xuất.

a) Phân loại theo tính chất, nội dung kinh tế của chi phí.

- ❖ Căn cứ để phân loại: Căn cứ tính chất, nội dung của chi phí – không phân biệt chi phí thuộc chức năng kinh doanh nào.
- ❖ Các loại chi phí: có 5 loại chi phí:
 - + Chi phí nguyên vật liệu: Giá trị nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ, nhiên liệu, phụ tùng thay thế...
 - + Chi phí nhân công: Tiền lương, khoản trích theo tiền lương (BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ), phải trả khác cho công nhân, viên chức trong kỳ.
 - + Chi phí khấu hao tài sản cố định: Giá trị hao mòn của TSCĐ sử dụng cho kinh doanh trong kỳ.
 - + Chi phí dịch vụ mua ngoài: Tiền điện, nước, điện thoại, thuê mặt bằng sử dụng cho kinh doanh trong kỳ.
 - + Chi phí khác bằng tiền: Chi phí tiếp khách, hội nghị... sử dụng cho kinh doanh trong kỳ.

b) Phân loại theo chức năng hoạt động.

❖ Căn cứ để phân loại: Căn cứ mục đích, công dụng của chi phí để thực hiện các chức năng trong kinh doanh.

Các loại chi phí: Có 2 loại chi phí là chi phí sản xuất và chi phí ngoài sản xuất.

• Chi phí sản xuất là chi phí liên quan đến tạo sản phẩm dùng trong một thời kỳ.

+ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, nhiên liệu... sử dụng trực tiếp để sản xuất sản phẩm.

+ Chi phí nhân công trực tiếp: Tiền lương, khoản trích theo lương (BHXH, BHYT, KPCĐ), phải trả khác cho công nhân sản xuất.

+ Chi phí nhân sản xuất chung: Chi phí sản xuất khác ngoài 2 loại trên (chi phí nguyên vật liệu gián tiếp, công cụ dụng cụ, tiền lương nhân viên quản lý sản xuất, khấu hao dùng sản xuất...).

• Chi phí ngoài sản xuất: Chi phí ngoài sản xuất là chi phí liên quan đến tiêu thụ sản phẩm và quản lý chung toàn doanh nghiệp. Chi phí ngoài sản xuất gồm có 2 loại:

+ Chi phí bán hàng: Chi phí để tiêu thụ và dự trữ sản phẩm.

+ Chi phí quản lý doanh nghiệp: Chi phí hành chính, chi phí quản lý chung toàn doanh nghiệp.

c) Phân loại theo cách ứng xử của chi phí.

❖ Căn cứ để phân loại: Căn cứ vào mối quan hệ của sự biến đổi chi phí và sự biến đổi của mức độ hoạt động.

❖ Các loại chi phí: Có 3 loại chi phí:

+ **Biến phí:** Là chi phí thay đổi về tổng số khi mức độ hoạt động thay đổi.

Có 2 loại biến phí là biến phí thực thụ và biến phí cấp bậc:

✓ **Biến phí thực thụ:** Là chi phí thay đổi theo tỷ lệ với sự thay đổi mức độ hoạt động.

✓ **Biến phí cấp bậc:** Là chi phí thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi nhiều.

+ **Định phí:** Là chi phí không thay đổi về tổng số khi mức độ hoạt động thay đổi trong 1 phạm vi (hoặc thay đổi nhưng không tỷ lệ với mức độ hoạt động thay đổi).

Có 2 loại định phí là định phí bắt buộc và định phí không bắt buộc.

✓ **Định phí bắt buộc:** Là định phí liên quan đến máy móc thiết bị, cấu trúc tổ chức...

✓ **Định phí không bắt buộc:** Là định phí liên quan đến nhu cầu của từng kế hoạch.

+ **Chi phí hỗn hợp:** Là chi phí gồm hai yếu tố biến phí và định phí

Ví dụ 5: Chi phí là chi phí hỗn hợp như:

- Chi phí điện thoại cố định trong dịch vụ viễn thông – phí thuê bao cố định là định phí, phí trả theo thời gian sử dụng là biến phí.

1.4. Phân loại giá thành sản phẩm.

a) Phân loại theo thời điểm tính và nguồn số liệu tính giá thành:

- Giá thành kế hoạch: Là giá thành được tính toán, xác định trên cơ sở chi phí và sản lượng kế hoạch được bộ phận kế toán tiến hành trước khi bắt đầu quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm.
- Giá thành định mức: Là giá thành được tính trên cơ sở các định mức chi phí hiện hành trung bình tiên tiến và chỉ được tính cho đơn vị sản phẩm nhưng cũng được tính toán chính xác định trước khi bắt đầu quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm.
- Giá thành thực tế: Là giá thành được tính toán trên cơ sở các chi phí sản xuất thực tế phát sinh đã được tập hợp theo mục đích, công dụng của chi phí và địa điểm phát sinh của chúng cho số sản phẩm, công việc, dịch vụ đã hoàn thành.

b) Phân loại giá thành sản phẩm theo nội dung, phạm vi các chi phí cấu thành:

- Giá thành sản xuất: Là giá thành thực tế của sản phẩm bao gồm các chi phí thực tế cấu thành nên thực thể sản phẩm như chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung.
- Giá thành toàn bộ của sản phẩm tiêu thụ: Là giá thành sản phẩm cộng với các chi phí bán hàng và chi phí QLDN tính cho số sản phẩm đã bán và đã xác định là tiêu thụ.

1.5. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành sản phẩm và kỳ tính giá thành.

❖ Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất (hay đối tượng tập hợp chi phí sản xuất) là phạm vi, giới hạn để tập hợp chi phí nhằm đáp ứng yêu cầu kiểm soát chi phí và tính giá thành sản phẩm.

❖ Giới hạn (hoặc phạm vi) để tập hợp chi phí sản xuất có thể là:

+ Nơi phát sinh: Phân xưởng sản xuất, đội trại sản xuất, bộ phận chức năng, giai đoạn công nghệ mới...

+ Đối tượng chịu chi phí: Sản phẩm, nhóm sản phẩm, đơn đặt hàng...

❖ Đối tượng tính giá thành: Là bán thành phẩm, thành phẩm, lao vụ...

❖ Kỳ tính giá thành: Là khoảng thời gian cần thiết để doanh nghiệp tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất và tính tổng giá thành và thành giá thành đơn vị sản phẩm. Là thời kỳ cần tính giá thành – tháng, quý, năm.

Như vậy, thực chất của việc xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

và đối tượng tính giá thành chính là xác định nơi các chi phí đã phát sinh và các đối tượng gánh chịu chi phí.

Xác định đúng đắn đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và tập hợp chi phí sản xuất một cách kịp thời, chính xác theo đúng đối tượng tập hợp chi phí sản xuất đã xác định là khâu đầu tiên rất quan trọng trong toàn bộ tổ chức công tác kế toán quản trị chi phí sản xuất và giá thành sản phẩm và là cơ sở, tiền đề quan trọng để kiểm tra, kiểm soát quá trình chi phí, tăng cường trách nhiệm vật chất đối với các bộ phận, đồng thời cung cấp số liệu cần thiết cho việc tính các chỉ tiêu giá thành theo yêu cầu quản trị doanh nghiệp.

1.5.1. Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành.

a) Căn cứ:

❖ Xác định đối tượng tập hợp chi phí sản xuất, đối tượng tính giá thành thường căn cứ vào:

- + Quy trình công nghệ – đơn giản, phức tạp.
- + Loại hình sản xuất – đơn đặt hàng, hàng hoá.
- + Yêu cầu, trình độ quản lý.

b) Xác định

❖ Sản xuất đơn giản:

- + Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất: Sản phẩm, nhóm sản phẩm, phân xưởng...
- + Đối tượng tính giá thành: Thành phẩm.

❖ Sản xuất phức tạp:

- + Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất: Chi tiết sản phẩm, sản phẩm, phân xưởng...
- + Đối tượng tính giá thành: Bán thành phẩm, thành phẩm.

❖ Sản xuất theo đơn đặt hàng:

- + Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất: Từng đơn đặt hàng, phân xưởng...
- + Đối tượng tính giá thành: Thành phẩm.

❖ Sản xuất hàng hoá:

- + Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất: Sản phẩm, nhóm (chi tiết) sản phẩm, phân xưởng...
- + Đối tượng tính giá thành: Bán thành phẩm, thành phẩm.

1.5.2. Xác định kỳ tính giá thành.

a) Căn cứ.

Xác định kỳ tính giá thành căn cứ vào:

- + Đặc điểm sản xuất – chu kỳ sản xuất, sản xuất theo đơn hàng, hàng loạt.
- + Yêu cầu quản lý.

b) Xác định.

+ Kỳ tính giá thành là tháng, quý, năm hay khi hoàn thành đơn đặt hàng.

1.6. Phương pháp và trình tự hạch toán chi phí sản xuất.

1.6.1. Phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí vật liệu trực tiếp.

a) Khái niệm:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là giá trị nguyên vật liệu chính, vật liệu phụ, bán thành phẩm mua ngoài, nhiên liệu... sử dụng trực tiếp để sản xuất sản phẩm.
- Nguyên vật liệu trực tiếp sản xuất từng loại sản phẩm thì tập hợp chi phí theo từng sản phẩm.
- Nguyên vật liệu trực tiếp sử dụng sản xuất nhiều loại sản phẩm thì tập hợp và trước khi tổng hợp chi phí để tính giá thành phải phân bổ cho từng đối tượng tính giá thành.
- Cách tính phân bổ:

$$C_i = \frac{C}{\sum_{i=1}^n T_i} T_i$$

C_i : Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp phân bổ cho sản phẩm i.

C : Tổng chi phí nguyên vật liệu trực tiếp đã tập hợp.

T_i : Tiêu thức phân bổ chi phí cho sản phẩm i.

- Tiêu thức phân bổ: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp định mức, khối lượng sản phẩm...

b) Tài khoản sử dụng:

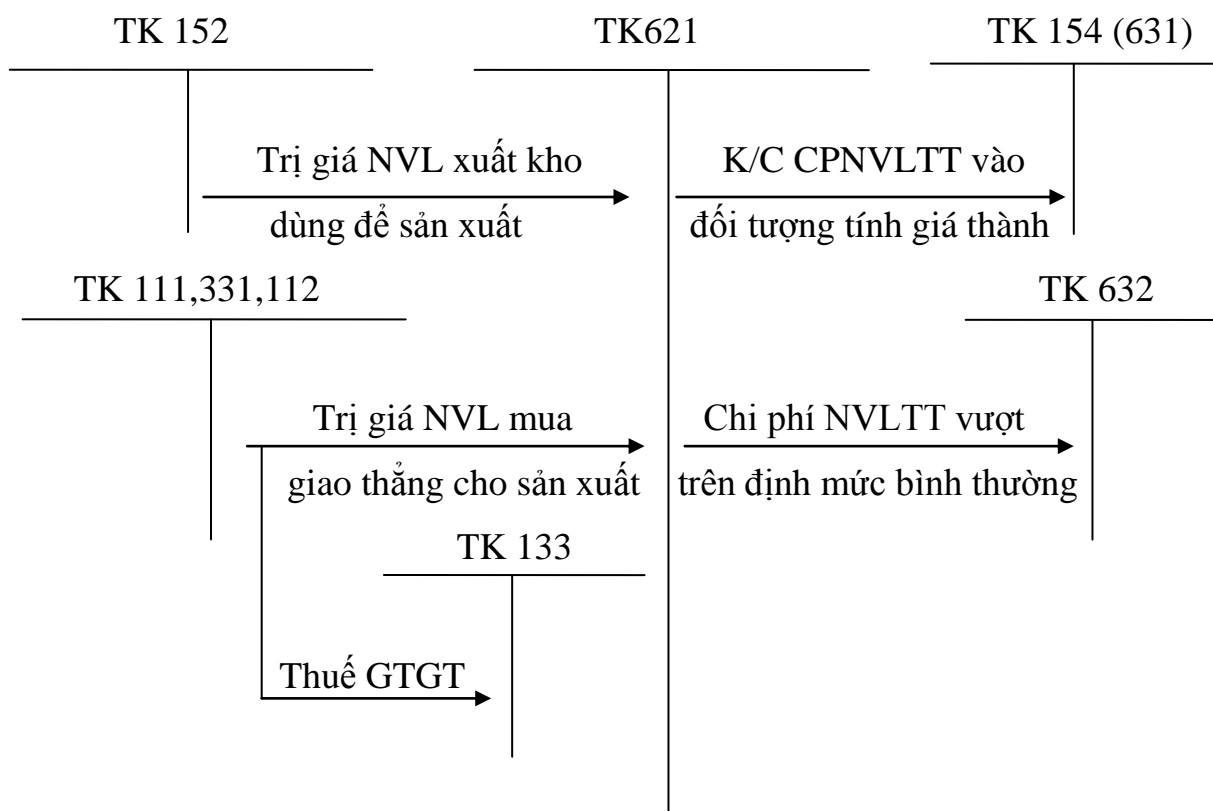
+ TK 621 – Chi phí nguyên liệu, vật liệu trực tiếp.

+ TK 621 không có số dư cuối kỳ.

+ Tài khoản 621 được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

c) Sơ đồ kế toán:

Sơ đồ 1.1: Kế toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp



1.6.2. Phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí nhân công trực tiếp.

a) Khái niệm:

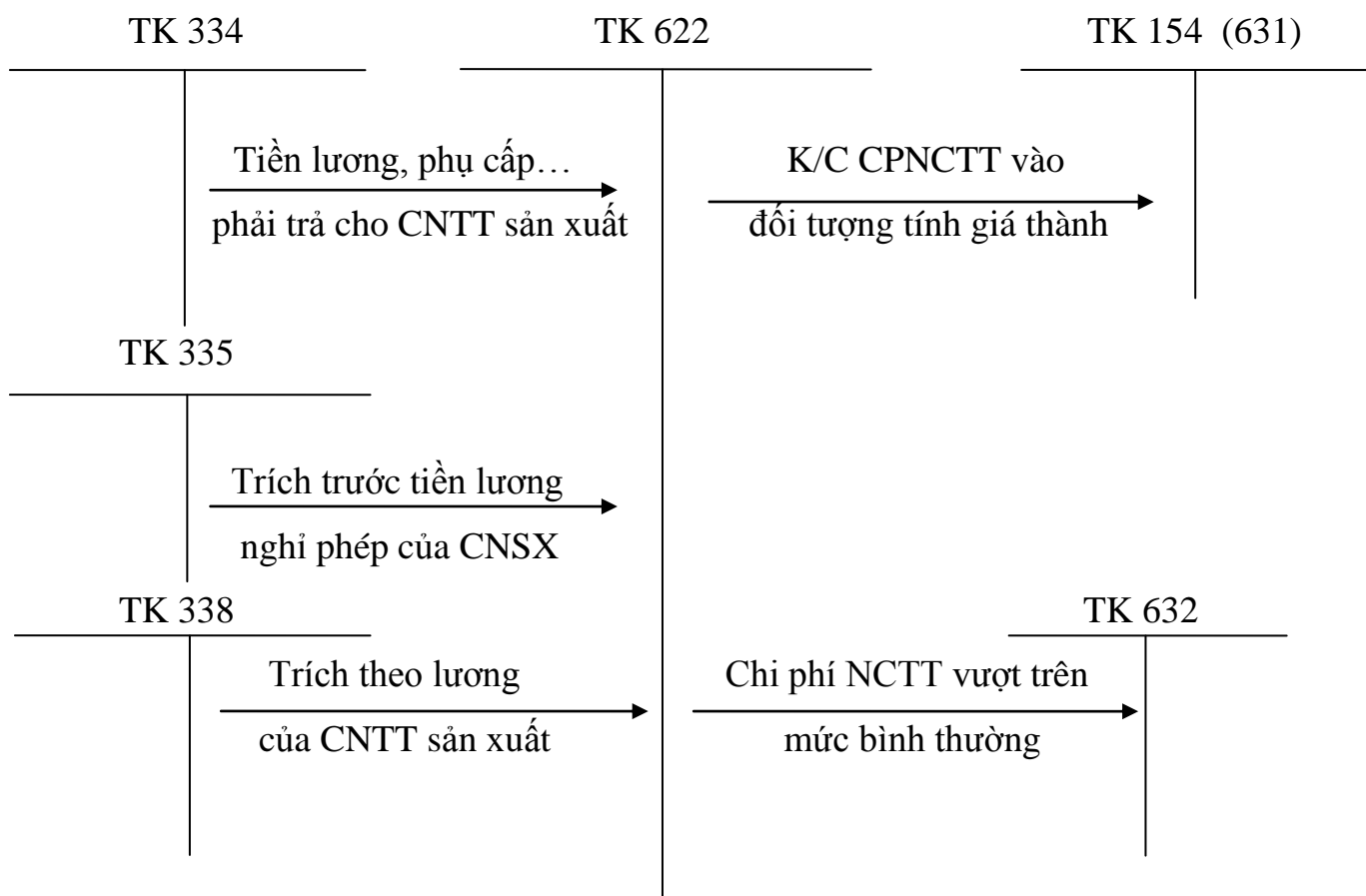
- Chi phí nhân công trực tiếp thường được tính trực tiếp vào đối tượng chi phí có liên quan, là tiền lương, phụ cấp, các khoản phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất và khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ...
- Chi phí nhân công trực tiếp của riêng từng sản phẩm thì tập hợp theo từng sản phẩm.
- Chi phí nhân công trực tiếp của nhiều loại sản phẩm thì tập hợp chung và trước khi tổng hợp chi phí để tính giá thành, phải phân bổ cho từng đối tượng tính giá thành...
- Cách tính phân bổ giống với trường hợp phân bổ chi phí NVLTT.

b) Tài khoản sử dụng:

- + TK 622 – Chi phí nhân công trực tiếp.
- + TK 622 không có số dư cuối kỳ.
- + Tài khoản 622 được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí

c) Sơ đồ kế toán:

Sơ đồ 1.2: Kế toán chi phí nhân công trực tiếp



1.6.3. Phương pháp kế toán tập hợp và phân bổ chi phí sản xuất chung.

a) Khái niệm:

- Chi phí sản xuất chung là các chi phí liên quan đến việc phục vụ, quản lý, sản xuất trong phạm vi các phân xưởng, tổ đội, các bộ phận sản xuất – tiền lương nhân viên quản lý, giá trị vật liệu gián tiếp, công cụ dụng cụ (CCDC), khấu hao máy móc, nhà xưởng, tiền sửa máy...
- Chi phí sản xuất tập hợp theo từng phân xưởng, từng bộ phận sản xuất hoặc bộ phận sản xuất kinh doanh. Việc tập hợp được thực hiện hàng tháng và cuối mỗi tháng mà tiến hành phân bổ và kết chuyển vào đối tượng hạch toán chi phí.
 - + Nếu phân xưởng chỉ sản xuất ra một loại sản phẩm duy nhất thì toàn bộ chi phí chung phát sinh ở phân xưởng được kết chuyển toàn bộ vào chi phí sản xuất sản phẩm.
 - + Nếu phân xưởng sản xuất ra 2 loại sản phẩm trở lên và tổ chức theo dõi riêng theo chi phí sản xuất cho từng loại sản phẩm (đối tượng hạch toán chi phí sản

xuất là từng loại sản phẩm) thì chi phí sản xuất chung phải được phân bổ cho từng loại sản phẩm để kết chuyển vào chi phí sản xuất sản phẩm.

+ Để tiến hành phân bổ có thể sử dụng các tiêu thức: tỷ lệ tiền lương công nhân sản xuất, tỷ lệ với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, tỷ lệ với chi phí trực tiếp (gồm chi phí NVLTT và chi phí NCTT), tỷ lệ với số giờ máy chạy, tỷ lệ với đơn vị nhiên liệu tiêu hao...

▪ Cách tính phân bổ:

$$\begin{array}{l} \text{Mức phân bổ} \\ \text{CPSXC cho} \\ \text{từng đối tượng} \end{array} = \frac{\text{CPSXC thực tế phát sinh trong tháng}}{\text{Tổng số đơn vị của từng đối tượng được tính theo tiêu thức được lựa chọn}} \times \begin{array}{l} \text{Số đơn vị từng đối} \\ \text{tượng tính theo tiêu} \\ \text{thức được lựa chọn} \end{array}$$

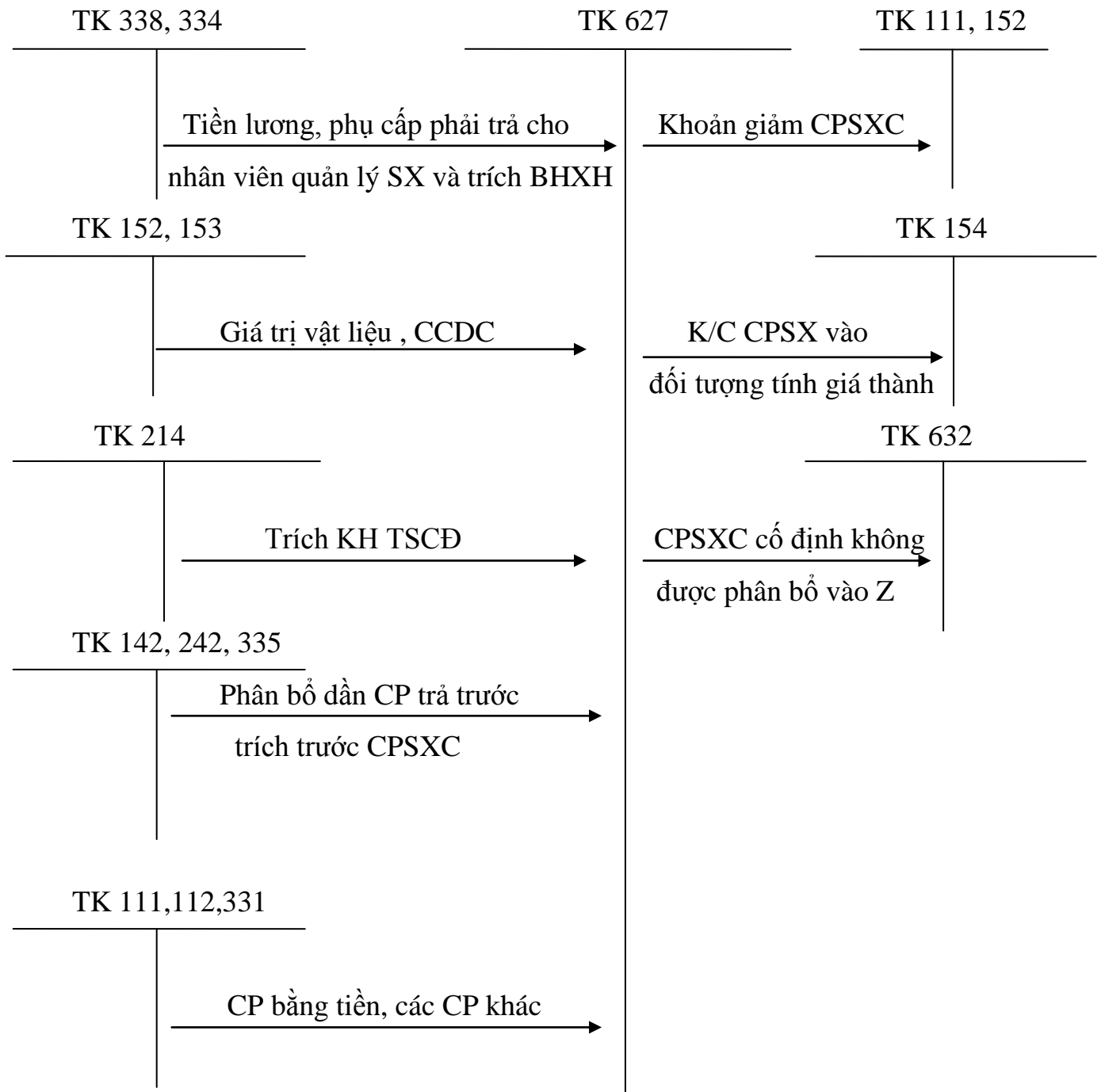
b) Tài khoản sử dụng:

+ TK 627 không có số dư cuối kỳ.

+ TK 627 được mở chi tiết theo từng đối tượng tập hợp chi phí.

c) Sơ đồ kế toán:

Sơ đồ 1.3: Kế toán chi phí nhân sản xuất chung



1.7. Phương pháp tính giá thành sản phẩm

1.7.1. Phương pháp tính giá thành giản đơn (*phương pháp trực tiếp*).

a) Đối tượng áp dụng và đặc điểm của phương pháp.

Đây là phương pháp hạch toán giá thành theo sản phẩm áp dụng cho những doanh nghiệp có quy trình sản xuất giản đơn như các doanh nghiệp khai thác và sản xuất động lực... Đặc điểm của các doanh nghiệp có quy trình sản xuất giản đơn là chỉ sản xuất một hoặc một số ít mặt hàng với số lượng lớn, chu kỳ sản xuất ngắn, có thể có hoặc không có sản phẩm dở dang.

b) Công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{CPSX} & & \text{CPSX} & & \text{CPSX} \\ \text{sản phẩm sản} & = & \text{dở dang} & + & \text{phát sinh} & - & \text{dở dang} \\ \text{xuất trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

1.7.2. Phương pháp loại trừ.

a) Đối tượng áp dụng.

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp trong cùng một quy trình sản xuất vừa tạo ra sản phẩm chính vừa cho sản phẩm phụ (sản phẩm phụ không phải là đối tượng tính giá thành và được định giá theo mục đích tận thu). Do vậy để tính được giá thành sản phẩm chính cần phải loại trừ trị giá sản phẩm phụ ra khỏi tổng chi phí.

b) Công thức:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Tổng giá thành} & & \text{CPSX} & & \text{CPSX} & & \text{CPSX} \\ \text{sp chính hoàn} & = & \text{dở dang} & + & \text{phát sinh} & - & \text{Giá trị sản} & - & \text{dở dang} \\ \text{thành trong kỳ} & & \text{đầu kỳ} & & \text{trong kỳ} & & \text{phẩm phụ} & & \text{cuối kỳ} \end{array}$$

1.7.3. Phương pháp hệ số.

a) Đối tượng áp dụng.

Phương pháp này được áp dụng trong trường hợp trong cùng một quy trình sản xuất tạo ra đồng thời nhiều loại sản phẩm chính và tất nhiên không thể tổ chức theo dõi chi tiết chi phí theo từng loại sản phẩm. Do vậy, để xác định giá thành cho từng loại sản phẩm chính cần phải quy đổi các sản phẩm chính khác nhau về một loại sản phẩm duy nhất, gọi là sản phẩm tiêu chuẩn theo hệ số quy đổi được xây dựng sẵn. Sản phẩm có hệ số 1 được chọn làm sản phẩm tiêu chuẩn.

b) Công thức:

$$\text{Tổng số sản phẩm tiêu chuẩn} = \sum \left\{ \begin{array}{l} \text{Số lượng hoàn thành} \\ \text{của từng loại sp chính} \end{array} \times \begin{array}{l} \text{Hệ số quy đổi} \\ \text{của từng loại} \end{array} \right\}$$

$$Z \text{ đơn vị của sản phẩm tiêu chuẩn} = \frac{\text{Tổng giá thành của các sản phẩm chính hoàn thành}}{\text{Tổng sản phẩm tiêu chuẩn}}$$

$$Z \text{ đơn vị của từng loại sản phẩm} = \text{Giá thành đơn vị sản phẩm tiêu chuẩn} \times \text{Hệ số quy đổi của từng loại sản phẩm}$$

1.7.4. Phương pháp tỷ lệ.

a) Đối tượng áp dụng.

Phương pháp này cũng được áp dụng trong điều kiện sản xuất tương tự như đã nêu ở phương pháp hệ số nhưng giữa các loại sản phẩm chính lại không xác lập một hệ số quy đổi. Áp dụng trong các doanh nghiệp sản xuất nhiều loại sản phẩm có quy cách khác nhau như may mặc, dệt kim, đóng giày, cơ khí chế tạo...

b) Công thức:

+ Bước 1: Tính tỷ lệ giá thành cho nhóm sản phẩm:

$$\text{Tỷ lệ tính Z cho nhóm sản phẩm} = \frac{\text{Tổng Z thực tế của nhóm sản phẩm}}{\text{Tổng Z kế hoạch của nhóm sản phẩm}}$$

+ Bước 2: Tính tổng giá thành thực tế của quy cách 1:

$$\text{Tổng Z thực tế của quy cách thứ i hoàn thành trong kỳ} = \text{Tổng Z kế hoạch của quy cách thứ i} \times \text{Tỷ lệ}$$

+ Bước 3: Tính giá thành đơn vị quy cách I trong nhóm sản phẩm:

$$Z \text{ đơn vị quy cách thứ i} = \frac{\text{Tổng Z thực tế của quy cách thứ i}}{\text{Số lượng quy cách thứ i hoàn thành}}$$

Phương pháp tỷ lệ là hình thức biến tướng của phương hệ số bởi qua các tiêu thức để tính tỷ lệ vẫn có thể tính ra hệ số để quy đổi nhiều loại sản phẩm thành một loại sản phẩm duy nhất. Sau đó thực hiện phương pháp tính toán giống nhau như phương pháp hệ số sẽ có được giá thành của từng loại sản phẩm.

1.7.5. Phương pháp đơn đặt hàng

- Áp dụng trong điều kiện doanh nghiệp sản xuất đơn chiếc hoặc sản xuất hàng loại nhỏ theo đơn đặt hàng của người mua. Đặc điểm của phương pháp này là tính giá thành riêng biệt theo từng đơn đặt hàng nên việc tổ chức kế toán chi phí phải được chi tiết hoá theo từng đơn đặt hàng.
- Đối tượng tập hợp chi phí là từng đơn đặt hàng và các đối tượng tính giá thành là các đơn hàng đã hoàn thành. Vì chỉ khi nào đơn đặt hàng hoàn thành mới tính giá thành do vậy mà kỳ tính giá thành không phù hợp với báo cáo.

- Giá thành của từng đơn đặt hàng là toàn bộ chi phí phát sinh kể từ lúc bắt đầu thực hiện cho đến lúc hoàn thành đơn đặt hàng đúng theo những tiêu chuẩn kỹ thuật được thoả thuận theo hợp đồng sản xuất.
- Nếu có đơn đặt hàng nào đó mà cuối tháng vẫn chưa thực hiện xong thì việc tổng hợp chi phí của đơn đặt hàng đến cuối tháng đó chính là chi phí sản xuất dở dang của đơn đặt hàng (sử dụng TK 154 – chi tiết theo đơn hàng).

1.7.6. Phương pháp định mức

- Phương pháp này có thể áp dụng với mọi loại hình doanh nghiệp với các điều kiện về quy trình công nghệ, đặc điểm, tổ chức quản lý, sản xuất kinh doanh khác nhau miễn là có các điều kiện cần thiết sau đây:

+ Phải có hệ thống các định mức, dự toán chi phí phù hợp đảm bảo tính khoa học hợp lý, trung bình tiến tiến.

+ Khi có sự thay đổi về quy trình công nghệ, dây chuyền sản xuất, sáng kiến, NVL, máy móc thiết bị thay đổi và bộ máy quản lý cần phải xây dựng lại các định mức và dự toán chi phí.

+ Tổ chức hạch toán được chi phí chênh lệch so với định mức, dự toán.

- Nội dung phương pháp tính giá thành theo định mức được tiến hành theo trình tự sau đây:

➤ Xác định giá thành định mức. Giá thành định mức được xây dựng, xác định tùy thuộc vào từng doanh nghiệp có thể là theo thứ tự các bước dưới đây:

+ Giá thành định mức chi tiết sản phẩm.

+ Giá thành định mức bộ phận sản xuất.

+ Giá thành định mức nửa thành phẩm.

+ Giá thành định mức chung cho cả sản phẩm.

➤ Xác định số chênh lệch do thay đổi định mức

➤ Xác định số chênh lệch do thay đổi thoát ly định mức bằng cách so sánh số chi phí thực tế với số chi phí định mức.

➤ Xác định giá thành thực tế sản phẩm

$$\text{Giá thành thực tế} = \text{Giá thành định mức} \pm \text{Chênh lệch do thay đổi định mức} \pm \text{Chênh lệch do thực hiện định mức}$$

Tóm lại, có rất nhiều cách tính giá thành sản phẩm. Vì vậy tùy từng điều kiện của doanh nghiệp mà có sự vận dụng từng phương pháp cho thích hợp.

1.8. Đánh giá sản phẩm dở dang.

- Đánh giá sản phẩm dở dang là công việc cần phải thực hiện trước khi xác

định giá thành sản phẩm. Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ liên quan đến cả sản phẩm dở dang.

- Đánh giá sản phẩm dở dang là xác định phần CPSX tính cho SPDD cuối kỳ. Tùy thuộc vào mức độ, thời gian của chi phí vào quá trình sản xuất chế tạo sản phẩm và yêu cầu trình độ quản lý của doanh nghiệp mà vận dụng phương pháp đánh giá sản phẩm cuối kỳ cho phù hợp.

- Đánh giá sản phẩm dở dang vào cuối kỳ là vấn đề có ý nghĩa quan trọng trong việc tính toán giá thành và xác định đúng đắn kết quả kinh doanh trong kỳ.

Muốn đánh giá sản phẩm dở dang phải sử dụng các phương pháp khác nhau tùy thuộc vào loại hình sản xuất và đặc điểm sản xuất sản phẩm của doanh nghiệp.

Đánh giá sản phẩm dở dang doanh nghiệp có thể sử dụng một trong các phương pháp:

1.8.1. Phương pháp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (hoặc chi phí nguyên vật liệu chính).

a) Nội dung của phương pháp:

Theo phương pháp này chỉ tính cho SPDD cuối kỳ phần chi phí NVL trực tiếp (hoặc CPNVL chính trực tiếp) còn các khoản chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung tính cho sản phẩm hoàn thành.

b) Công thức tính:

$$\text{Giá trị SPDD cuối kỳ} = \frac{\text{CPNVLTT tính cho SPDD đầu kỳ} + \text{CPNVLTT thực tế sử dụng trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm thành trong kỳ} + \text{Số lượng SPDD cuối kỳ}} \times \text{Số lượng SPDD cuối kỳ}$$

- Phương pháp này thích hợp với các doanh nghiệp có chi phí NVLTT (nguyên vật liệu chính) chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí sản xuất sản phẩm. Như vậy vẫn đảm bảo được mức độ chính xác, đơn giản và giảm bớt được khối lượng tính toán.

1.8.2. Phương pháp ước lượng sản phẩm tương đương

Theo phương pháp này trước hết cần quy đổi khối lượng SPDD ra khối lượng hoàn thành tương đương. Sau đó xác định từng khoản mục chi phí theo nguyên tắc sau:

+ Đối với chi phí NVLTT (hay nguyên vật liệu chính) bỏ vào một lần từ đầu quy trình sản phẩm thì giá trị SPDD cuối kỳ được tính theo mục 1.8.1.

+ Đối với chi phí bỏ dần trong quá trình sản xuất thì giá trị SPDD được tính theo sản lượng hoàn thành tương đương theo công thức sau:

$$\text{Giá trị SPDD cuối kỳ} = \frac{\text{CPSX dở dang đầu kỳ} + \text{CPSX phát sinh trong kỳ}}{\text{Số lượng sản phẩm thành trong kỳ} + \text{Số lượng SPDD cuối kỳ quy đổi thành sản phẩm hoàn thành}} \times \text{Số lượng SPDD cuối kỳ quy đổi thành sản phẩm hoàn thành}$$

Trong đó:

$$\text{Số lượng SPDD cuối kỳ quy đổi thành sản phẩm hoàn thành} = \text{Số lượng SPDD cuối kỳ} \times \text{Tỷ lệ hoàn thành được xác định}$$

- Áp dụng thích hợp cho các doanh nghiệp có quy trình công nghệ phức tạp, chế biến liên tục, chi phí NVL trực tiếp bỏ vào từ đầu và các chi phí khác bỏ dần theo mức độ chế biến ở các giai đoạn công nghệ sau đồng thời cũng chiếm tỉ trọng chi phí khá lớn trong tổng CPSX của doanh nghiệp.

1.8.3. Phương pháp đánh giá theo giá thành định mức.

- Phương pháp này áp dụng thích hợp với các doanh nghiệp đã xây dựng được CPSX hoặc giá thành định mức đồng thời khối lượng SPDD cuối kỳ khá ổn định (cả về mức độ hoàn thành và khối lượng) do vậy chỉ căn cứ vào khối lượng SPDD cuối kỳ và định mức CPSX hoặc giá thành định mức đơn vị sản phẩm để tính ra số CPSX cho SPDD cuối kỳ.

- **Công thức:**

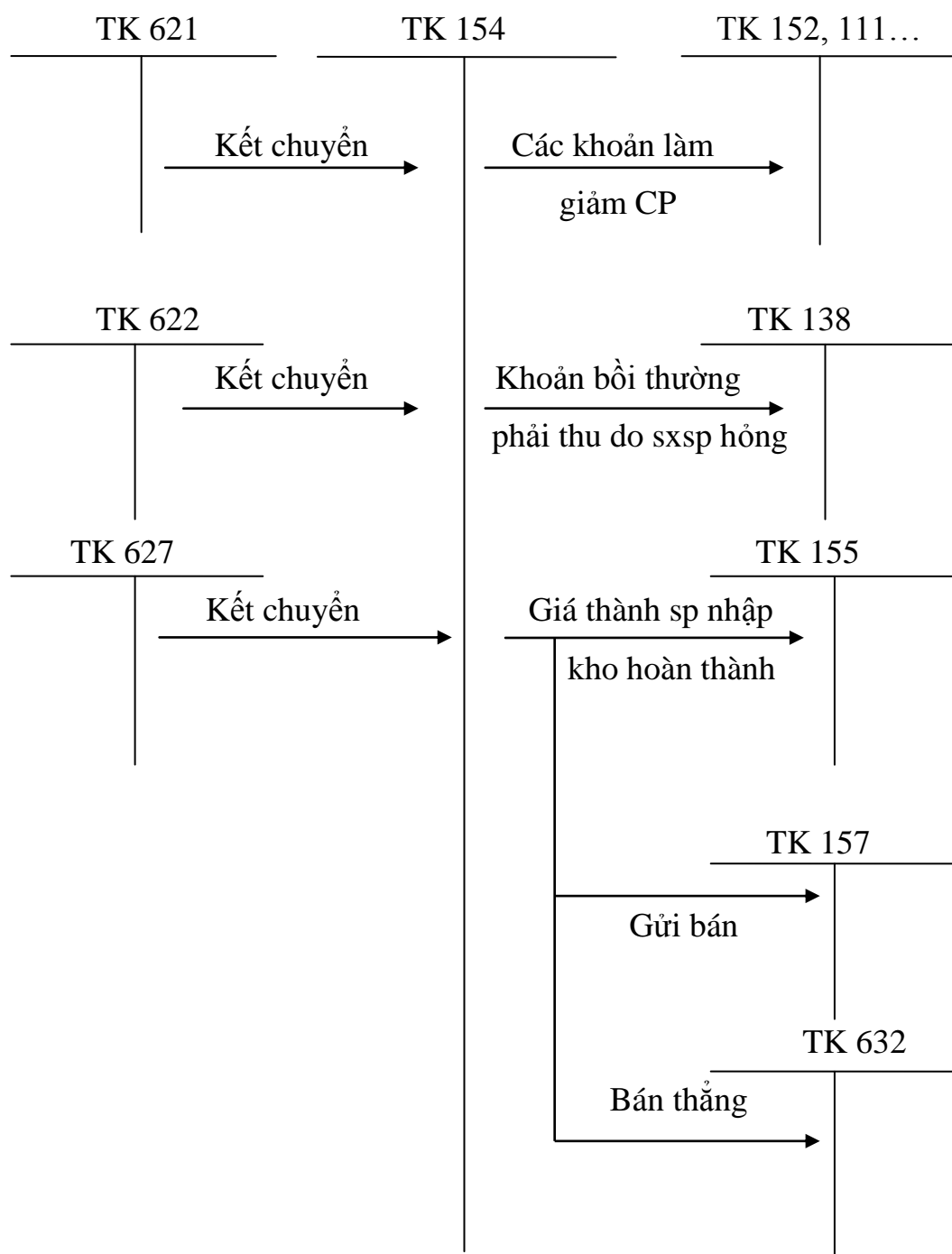
$$\text{CPSX SPDD cuối kỳ} = \text{Sản lượng SPDD} \times \% \text{ hoàn thành}$$

Sau đó tập hợp cho từng loại sản phẩm.

1.9 Nội dung hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm.

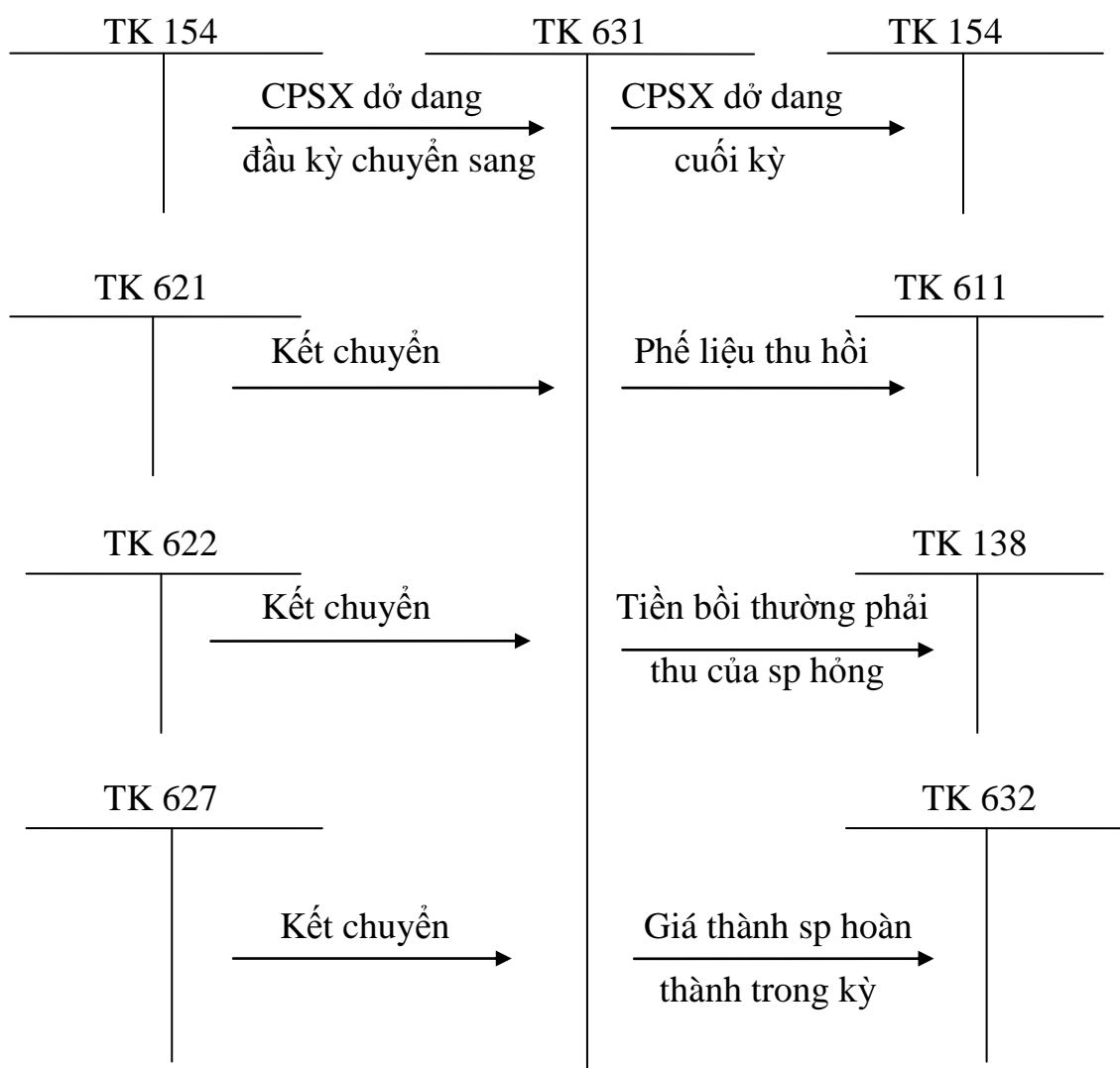
1.9.1. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Sơ đồ 1.4: Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kê khai thường xuyên



1.9.2. Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ

Sơ đồ 1.5: Sơ đồ kế toán tập hợp chi phí sản xuất theo phương pháp kiểm kê định kỳ



1.10 Hạch toán thiệt hại trong sản xuất.

Trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp có thể sẽ xảy ra những khoảng thời gian phải ngưng sản xuất do các nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan gây ra như: Thiết bị sản xuất bị hư hỏng, thiếu nguyên vật liệu, mất điện, thiên tai, hoả hoạn... Thời gian ngừng sản xuất là thời gian không tạo ra sản phẩm nhưng vẫn phát sinh nhiều loại chi phí để bảo vệ tài sản, bảo đảm đời sống cho người lao động, duy trì các hoạt động quản lý... Các khoản chi phí phát sinh trong thời gian ngừng sản xuất không tham gia vào quá trình tạo ra sản phẩm nên về nguyên tắc không thể tính giá thành sản xuất sản phẩm mà đó là chi phí

thời kỳ phải xử lý ngay trong kỳ kế toán.

a) Chi phí sản xuất và sửa chữa sản phẩm hỏng.

▪ Sản phẩm hỏng sửa chữa được:

+ Sản phẩm hỏng sửa chữa được là sản phẩm bị hỏng nhưng về kỹ thuật có thể sửa chữa được và khi sửa chữa phải có lợi về kinh tế.

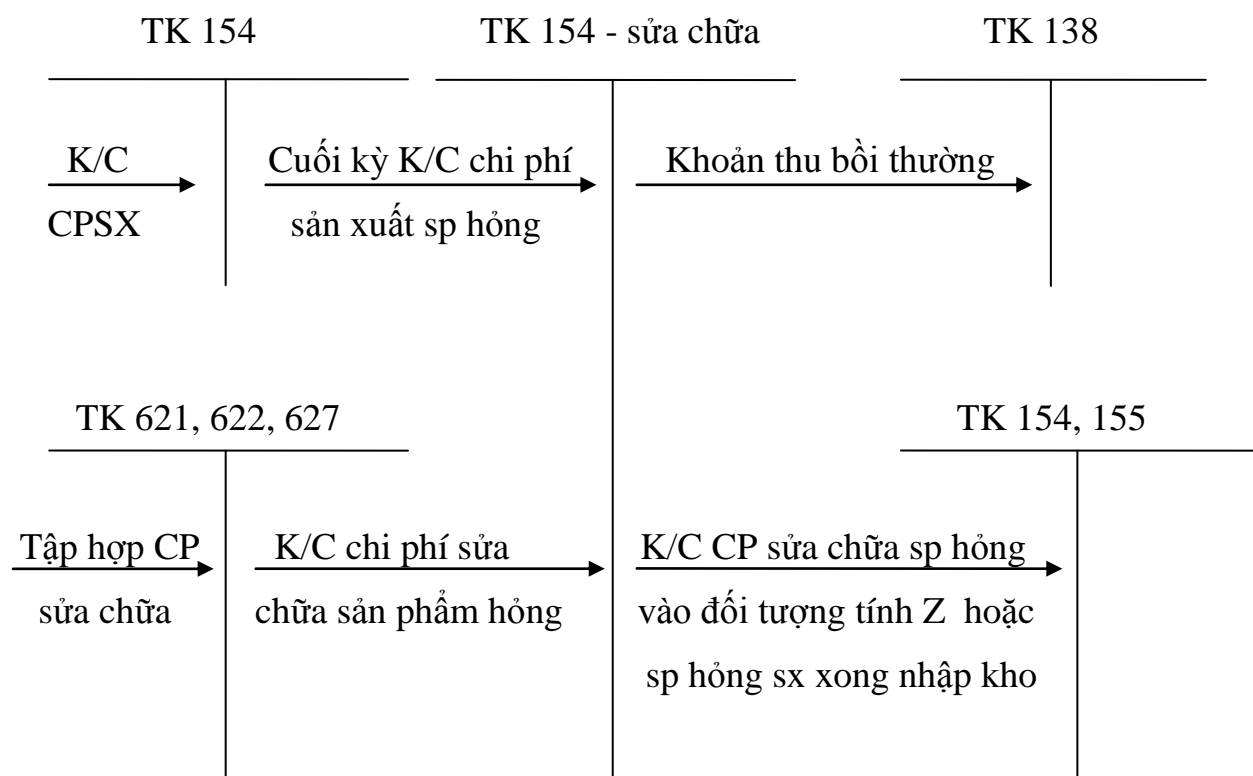
▪ Sản phẩm hỏng không sửa chữa được:

+ Sản phẩm hỏng không sửa chữa được là sản phẩm bị hỏng nhưng về kỹ thuật không thể sửa chữa được hoặc sửa chữa được nhưng không có lợi về kinh tế.

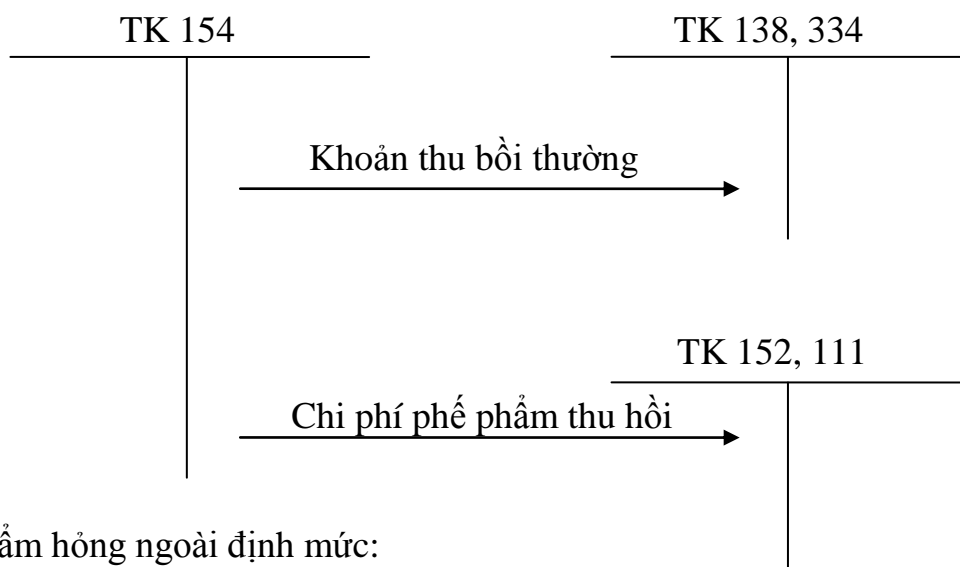
▪ Sản phẩm hỏng trong định mức:

Sản phẩm hỏng trong định mức là một tỷ lệ sản phẩm hỏng nhất định được chấp nhận, do không thể tránh khỏi trong quá trình sản xuất.

+ Sản phẩm hỏng có thể sửa chữa



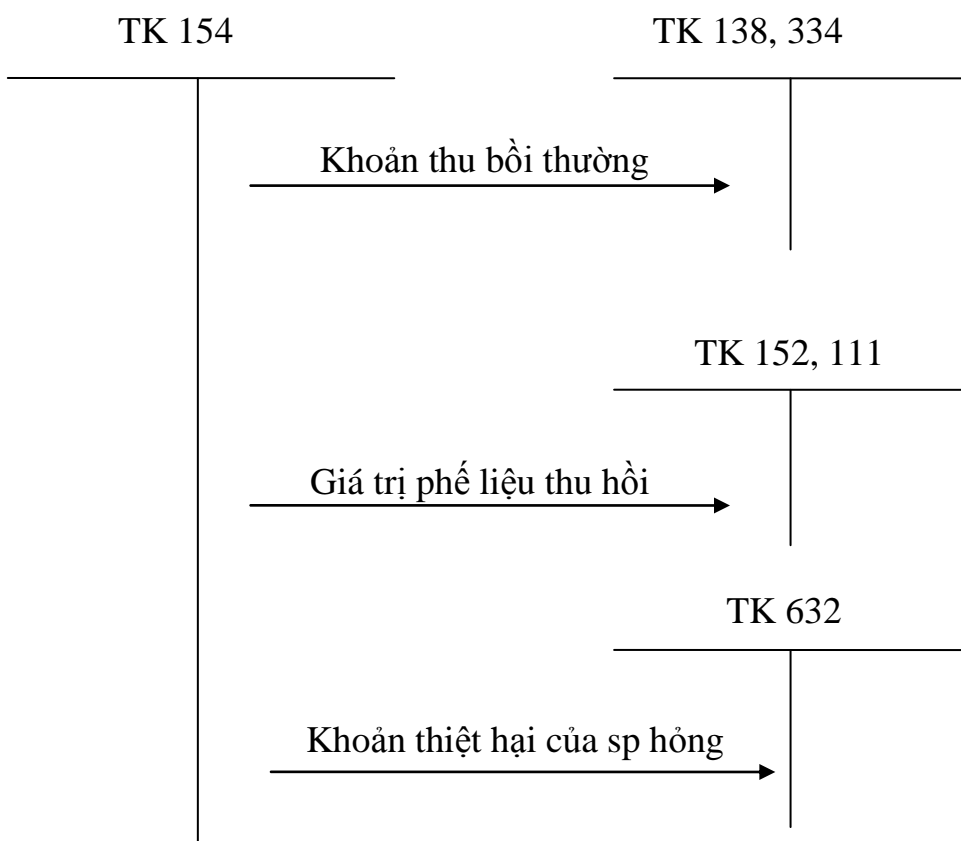
+ Sản phẩm hỏng không sửa chữa được:



▪ Sản phẩm hỏng ngoài định mức:

Sản phẩm hỏng ngoài định mức là các sản phẩm hỏng khi có điều kiện bất thường, ngoài tỷ lệ sản phẩm hỏng nhất định được chấp nhận, do nguyên liệu chất lượng kém, máy móc hỏng, chủ quan của công nhân.

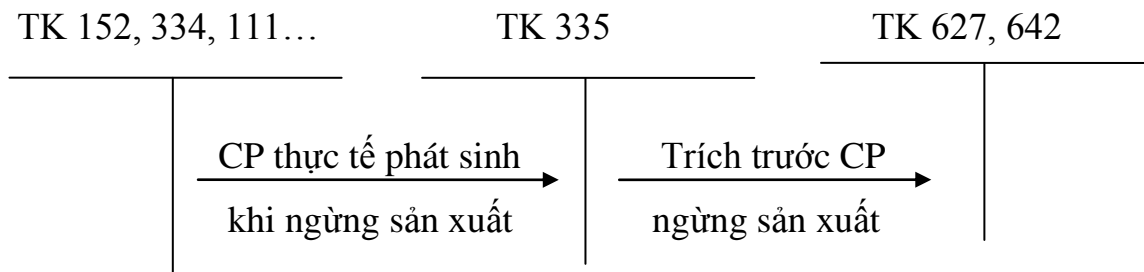
Kế toán phản ánh tương tự như trên nhưng khoản thiệt hại (sau khi trừ các khoản thu bồi thường) tính vào giá vốn hàng bán.



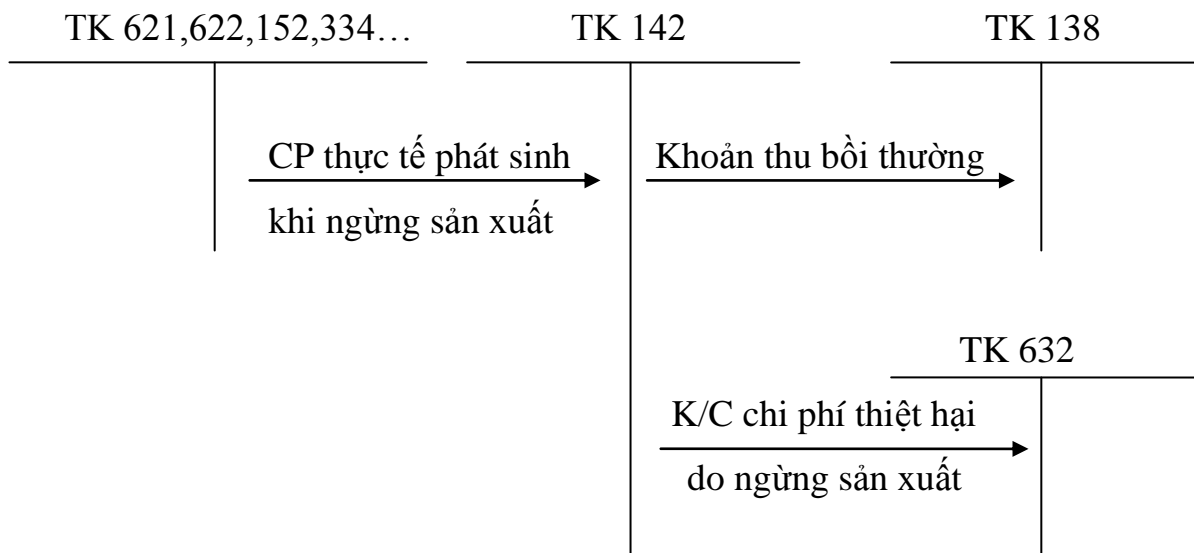
b) Chi phí trong thời gian ngừng sản xuất:

Chi phí thiệt hại do ngừng sản xuất trong một thời gian vì các nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan.

+ Trong kế hoạch:



+ Ngoài kế hoạch:

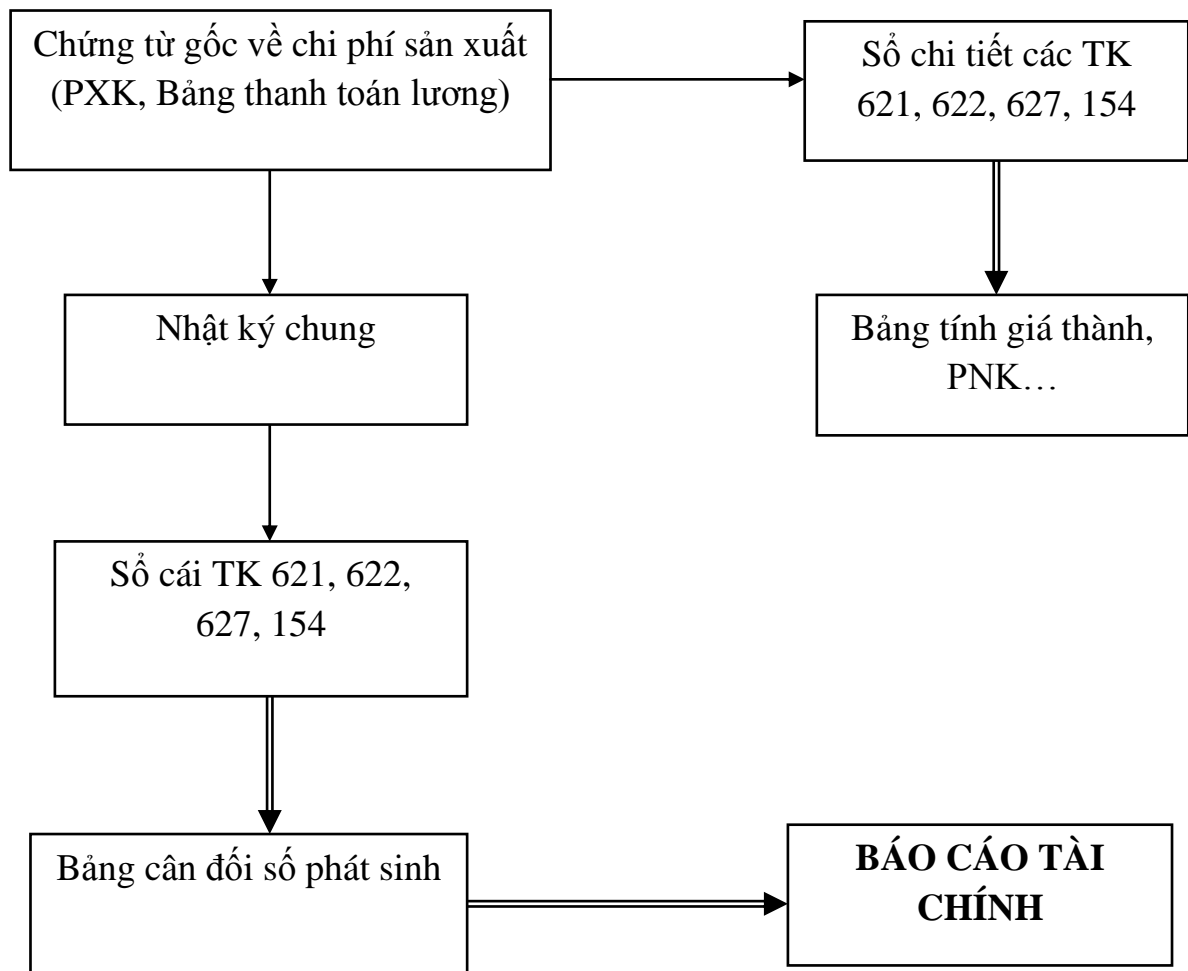


1.11 Đặc điểm hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo các hình thức kế toán

1.11.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung được thể hiện qua *sơ đồ 1.6* như sau:

Sơ đồ 1.6: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

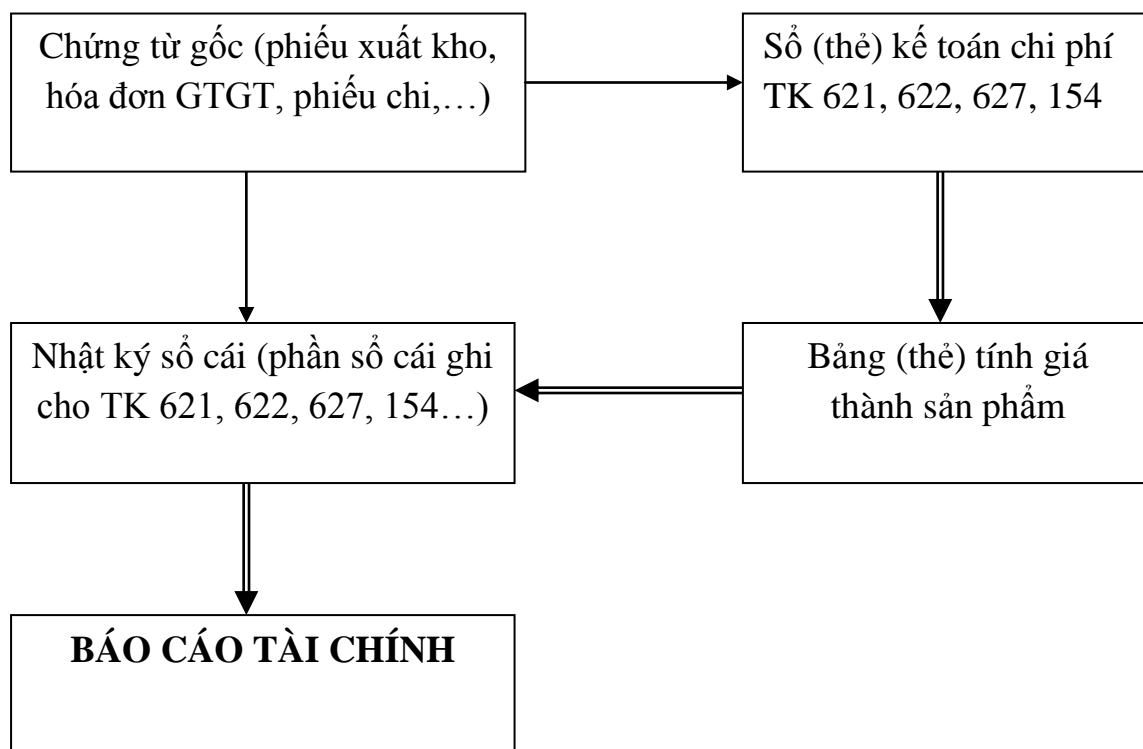
Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

1.11.2 Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái.

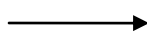
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái được thể hiện như *sơ đồ 1.7* như sau:

Sơ đồ 1.7: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày



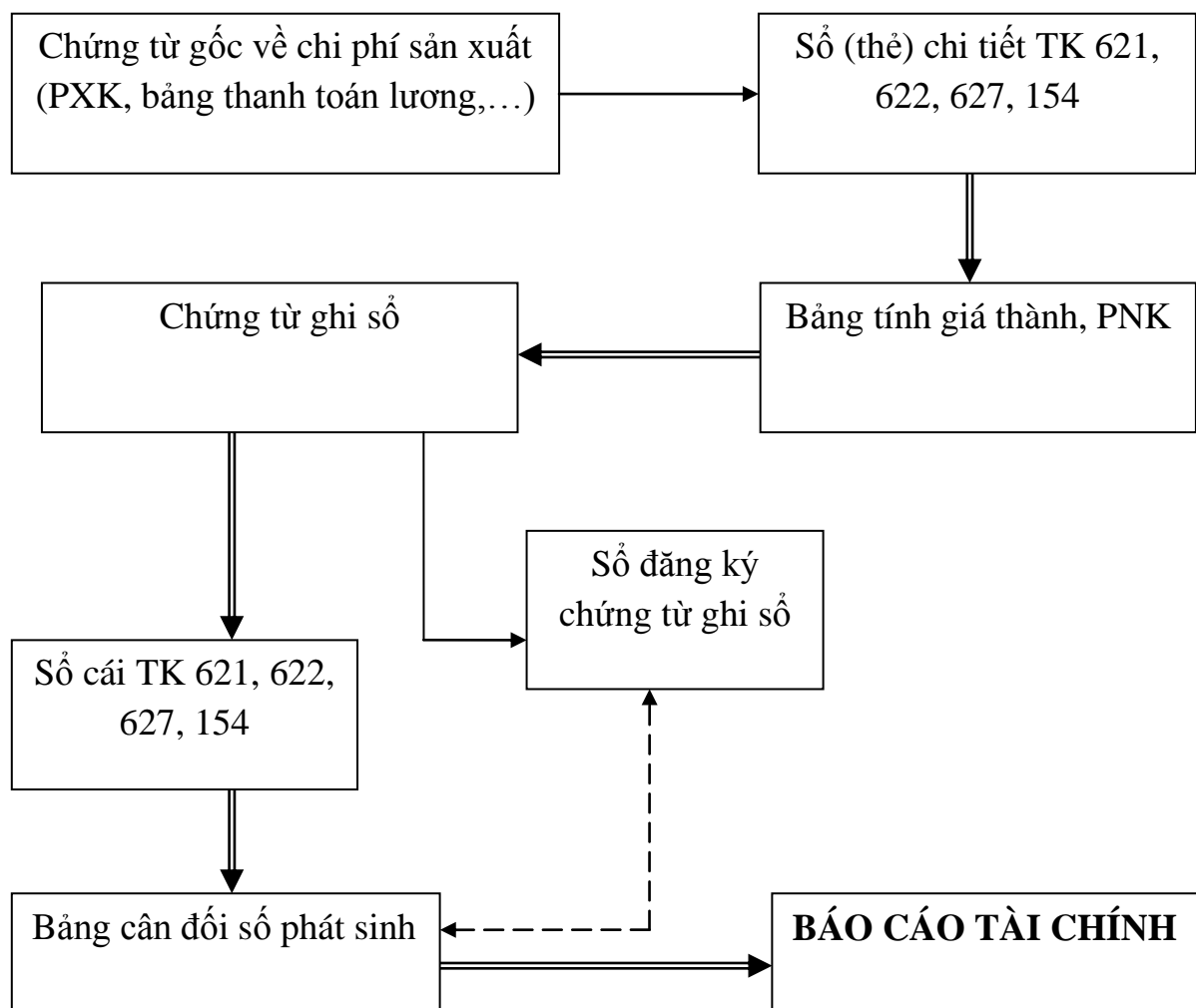
Ghi định kỳ



1.11.3 Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

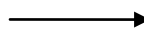
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ được thể hiện như *sơ đồ 1.8* như sau:

Sơ đồ 1.8: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

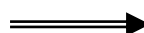


Ghi chú:

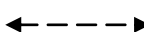
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



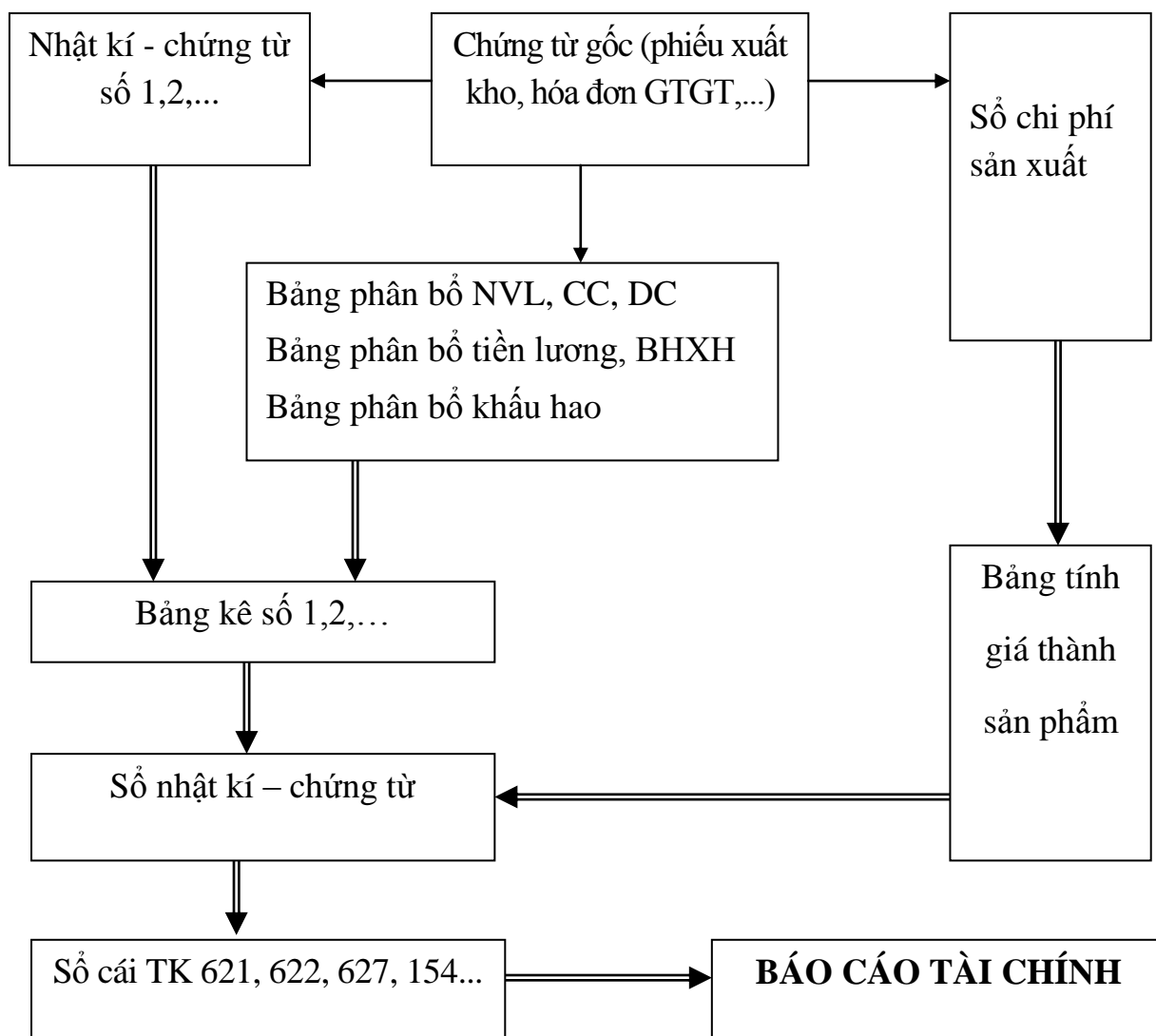
Quan hệ đối chiếu



1.11.4 Hình thức Nhật ký – Chứng từ.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Chứng từ thể hiện như sơ đồ 1.9 như sau:

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán Nhật ký - chứng từ



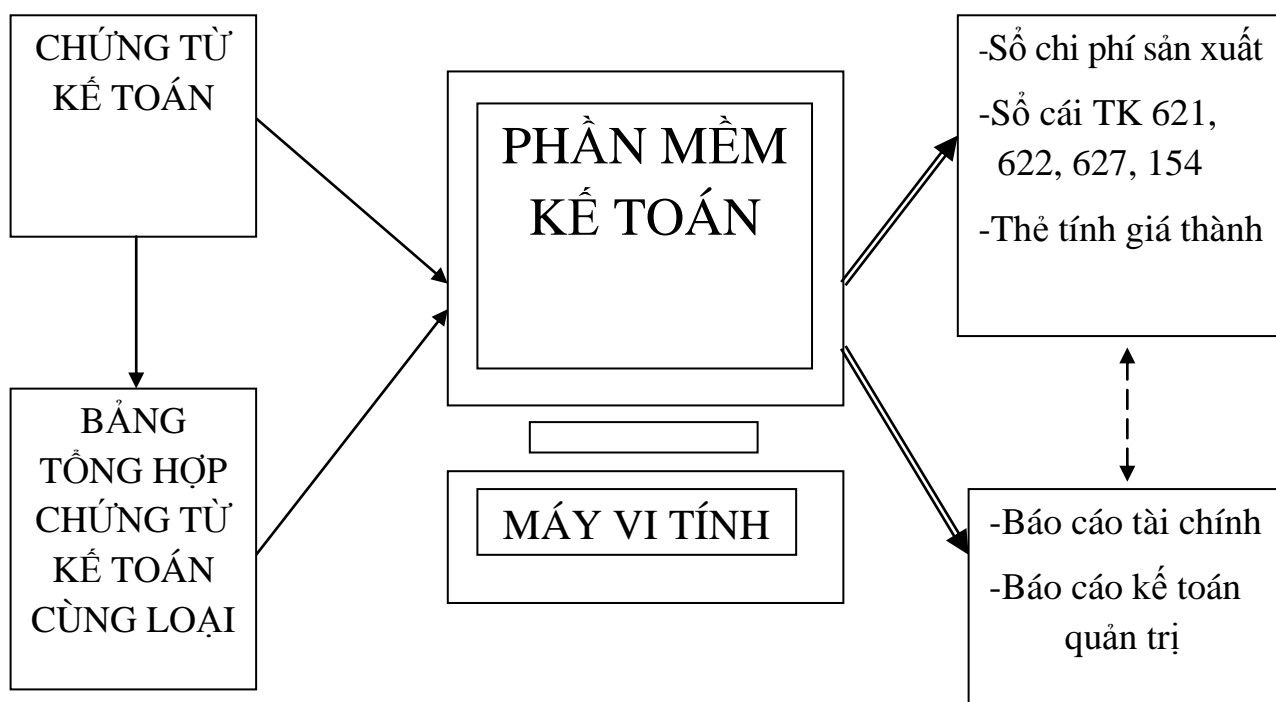
Ghi chú:

- Ghi hàng ngày —————>
- Ghi cuối tháng ══════════>
- Quan hệ đối chiếu ←----->

1.11.5 Hình thức kế toán trên máy tính.

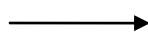
Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính thể hiện như sơ đồ 1.10 như sau:

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán chi phí sản xuất - giá thành sản phẩm theo hình thức kế toán trên máy vi tính



Ghi chú:

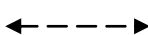
Ghi hàng ngày



Ghi cuối tháng



Quan hệ đối chiếu



CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG CÔNG TÁC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ VIỆT HUNG

2.1. Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng.

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH bao bì Việt Hưng.

Sau một thời gian kiên trì tìm kiếm các đối tác trong và ngoài nước có đủ tiềm năng để cùng hợp tác liên doanh liên kết, sản xuất ra các sản phẩm đủ sức cạnh tranh trên thị trường trong và trên thế giới. Được sự giúp đỡ của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và các cơ quan chức năng khác. Công ty TNHH bao bì Việt Hưng được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0202003019 ngày 29 tháng 5 năm 2006 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp.

- **Thông tin về công ty:**

- Tên công ty: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN BAO BÌ VIỆT HUNG**

- Tên giao dịch bằng tiếng anh: VIET HUNG PACKING COMPANY LIMITED

- Tên công ty viết tắt: VIET HUNG PACKING CO.,LTD

- Điện thoại: 0313. 814.866 Fax: 0313581688

- Trụ sở chính: 310 - Đường Lê Duẩn, phường Bắc Sơn, quận Kiến An, thành phố Hải Phòng

- Mã số thuế: 0200650559

- **Ngành nghề kinh doanh:**

- Ngành nghề kinh doanh chủ yếu là in bao bì nhãn mác, gia công, sản xuất nguyên, phụ liệu ngành giấy dếp, may mặc, Sản xuất dụng cụ ngành in, kinh doanh thiết bị ngành in, Sản xuất bao bì đóng gói.

- Do tình hình tài chính nên hiện nay công ty chỉ tập trung vào sản xuất dây chuyền bao bì túi nilon PE.

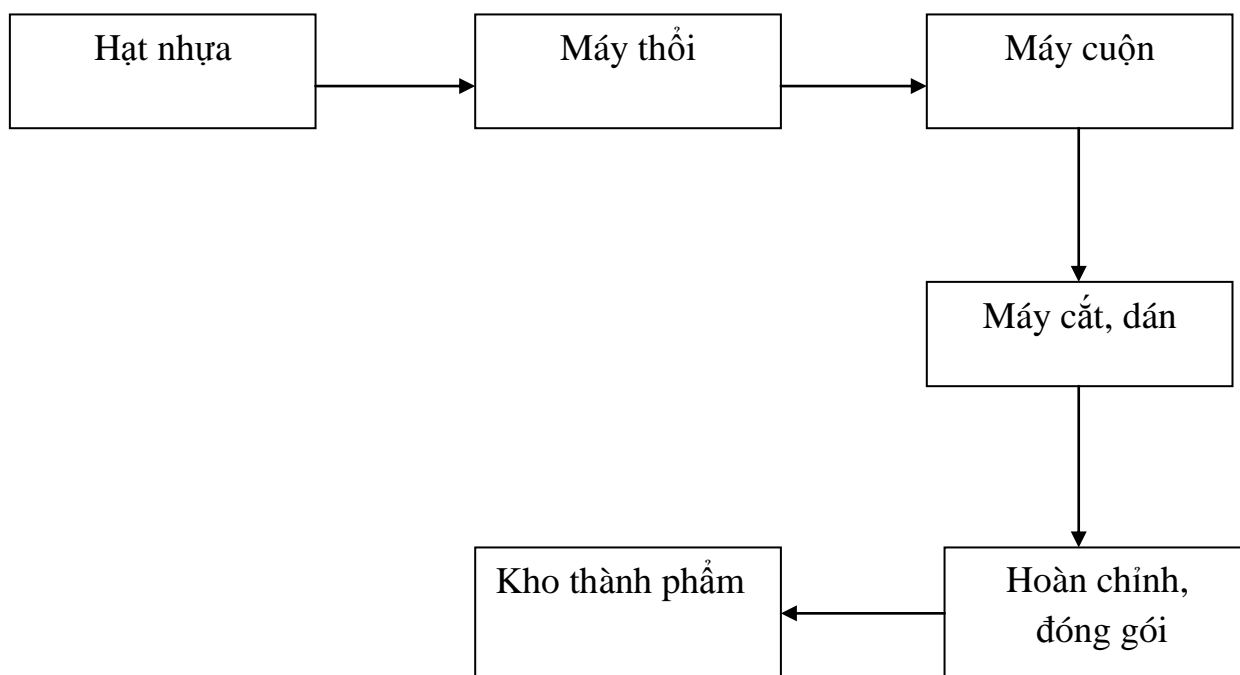
Biểu số 2.1: Một số chỉ tiêu thể hiện tình hình phát triển của công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2012	Năm 2013
Tổng doanh thu	586.685.714	605.426.259	910.224.505
Tổng doanh thu thuần	586.685.714	605.426.259	910.224.505
Tổng GVHB	175.129.376	265.161.244	411.900.591
Tổng lợi nhuận gộp	411.556.338	340.265.015	498.323.914
Tổng lợi nhuận trước thuế	224.031.650	281.934.419	372.316.244
Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng	2.950.000	3.150.000	3.380.000
Thuế và các khoản phải nộp NSNN	56.007.913	70.483.605	93.079.061
Vốn kinh doanh bình quân	18.493.574	20.381.065	65.076.842

(Nguồn: Phòng Kế toán - Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

2.1.2. Đặc điểm sản xuất, tổ chức sản xuất và quy trình công nghệ tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.

Sơ đồ 2.1: Quy trình sản xuất túi nilon PE tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng



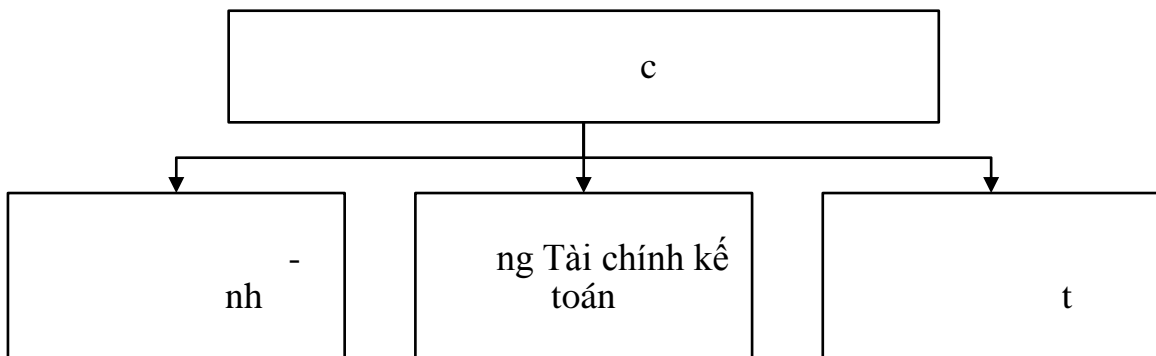
Công ty TNHH bao bì Việt Hưng là doanh nghiệp của quy mô sản xuất

vừa và nhỏ. Hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu thực hiện trong lĩnh vực bao bì bằng các chất liệu: “ PE ”. Cụ thể là sản xuất các sản phẩm túi nilon, bao bì đóng gói cho các công ty xí nghiệp giày da. Công ty đang tập trung vào sản xuất mặt hàng chính là túi nilon. Nguyên vật liệu chính để sản xuất túi nilon là hạt nhựa (LLDPE & LDPE). Quá trình sản xuất túi nilon gồm các công đoạn chính:

- Thứ nhất: Lựa chọn, phân loại hạt nhựa theo yêu cầu của đơn hàng.
- Thứ hai: Sau đó sẽ đổ vào phễu của máy thổi, ở nhiệt độ cao khoảng 200 độ c đến 400 độ c cộng hơi sẽ làm đùn màng ni lon lên sau đó sẽ điều chỉnh màng theo kích thước nhất định và đưa vào máy cuộn để cuộn.
- Thứ ba: Sau khi máy cuộn, cuộn từng dải nilon thành từng cuộn sẽ đưa các cuộn nilon đến máy cắt dán, tại đây máy cắt dán sẽ cắt nilon và dán theo kích thước cụ thể.
- Thứ tư: Các thành phẩm túi nilon sẽ được đóng gói đi tiêu thụ.

2.1.3. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Sơ đồ 2.2: Cơ cấu bộ máy quản lý của công ty TNHH bao bì Việt Hưng



(Nguồn: Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Bộ máy quản lý tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, gồm các bộ phận sau:

❖ Ban giám đốc:

Giám đốc đại diện cho công ty về các mối quan hệ đối nội cũng như đối ngoại đồng thời đại diện cao nhất cho pháp nhân của công ty trước pháp luật và nhà nước về mọi hoạt động và kết quả sản xuất kinh doanh của công ty.

Giúp việc cho giám đốc là phó giám đốc. Phó giám đốc chịu trách nhiệm điều hành hoạt động sản xuất, lập kế hoạch sản xuất và thực hiện sản xuất...

❖ Phòng tổ chức hành chính:

Tham mưu cho giám đốc trong việc quản lý, phân công cán bộ trong các phòng ban, trong công tác đào tạo bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn. Tham mưu

về tuyển chọn công nhân. Thực hiện các chế độ chính sách xã hội (BHXH, đầu ốm, ...). Tham mưu về chế độ tiền lương, định mức lao động, chế độ nghỉ phép hàng năm, an toàn trong sản xuất, ...

Tham mưu trong việc quản lý, lưu giữ các công văn đi đến, các giấy tờ thủ tục hành chính, quản lý điều hành các phương tiện phục vụ công tác chăm lo sức khoẻ cho cán bộ công nhân viên, tiếp khách, tổ chức các ngày lễ hội.

❖ **Phòng Tài Chính Kế toán:**

Về mặt tài chính của Doanh nghiệp, ghi chép, cập nhật và phản ánh kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về nguyên vật liệu, tình hình tăng giảm tài sản cố định, biến động vốn bằng tiền mặt... Theo dõi tình hình công nợ của khách hàng, tổ chức theo dõi suốt quá trình sản xuất từ khâu mua nguyên vật liệu cho đến khâu sản xuất được hoàn thành và chuyển giao cho khách hàng.

Hạch toán kế toán xác định kết quả kinh doanh, phân tích hoạt động kinh doanh - tài chính của đơn vị. Thực hiện đúng các chế độ chính sách do Bộ tài chính và Nhà nước ban hành.

❖ **Phòng kế hoạch quản lý sản xuất:**

Tiếp cận các đơn hàng, căn cứ vào đơn đặt hàng của khách hàng, tiến hành xây dựng các dự trữ vật tư, cân đối vật tư phục vụ cho sản xuất sau đó sẽ tiến hành đặt vật tư. Tính toán thời gian giao hàng, lập kế hoạch sản xuất cho từng tháng.

Tìm hiểu và khai thác thị trường cung cấp nguyên vật liệu, vật tư, tổ chức và thực hiện các nghiệp vụ về tiêu thụ.

Quản lý các quy trình công nghệ, tiêu chuẩn, định mức về nguyên vật liệu, thành phẩm và sản phẩm, mẫu mã. Kiểm tra và đánh giá chất lượng, số lượng, nguyên vật liệu trước khi sản xuất. Lập kế hoạch sản xuất tháng, quý, năm.

2.1.4. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng

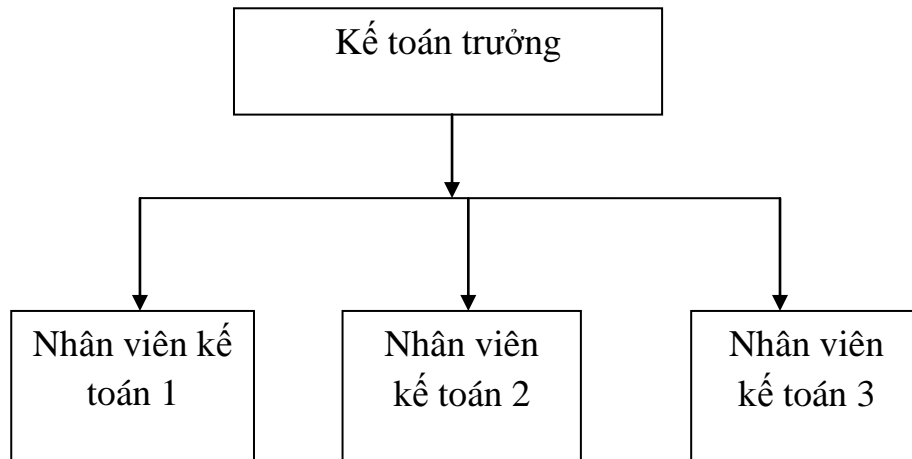
2.1.4.1. Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng

a. Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán của Công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Bộ máy kế toán của Công ty được tổ chức theo mô hình tập trung. Kế toán trưởng là người điều hành trực tiếp.

Bộ máy kế toán của công ty có nhiệm vụ hạch toán toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh của công ty, theo dõi, phân tích tình hình tài chính của công ty, cung cấp các thông tin tài chính cho ban giám đốc.

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán Công ty TNHH bao bì Việt Hưng



(Nguồn: Phòng Tổ chức – Hành chính Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

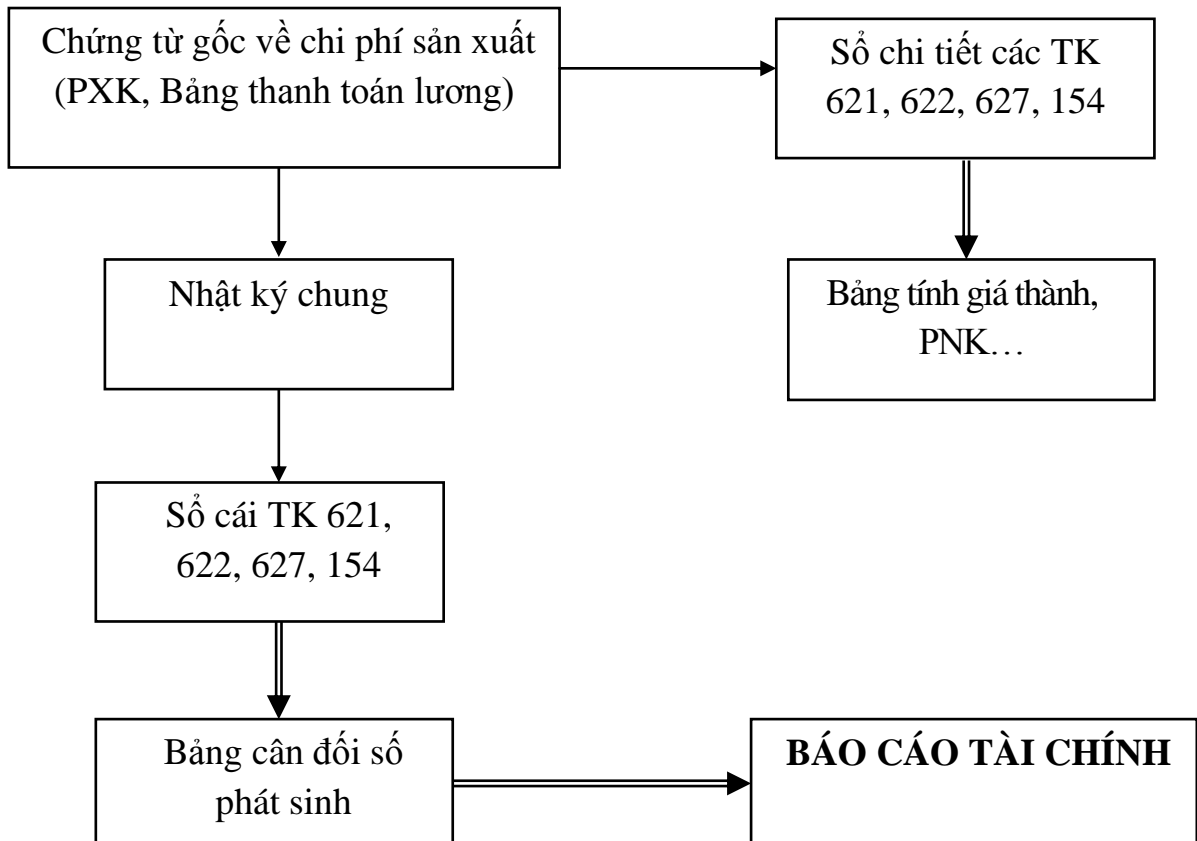
- **Kế toán trưởng:** Chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc công ty về công việc thuộc nhiệm vụ của phòng Tài chính kế toán, có quyền phân công chỉ đạo trực tiếp hướng dẫn các nghiệp vụ của công ty, bao quát toàn bộ công tác kế toán của công ty, đôn đốc các kế toán viên hoàn thành công việc kịp thời, chính xác, tổ chức công tác kế toán, báo cáo, xây dựng kế hoạch tài chính của Công ty.
- **Nhân viên kế toán 1:** Thủ quỹ kiêm kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương và kiêm kế toán tài sản cố định.
- **Nhân viên kế toán 2:** Kế toán vật tư, hàng hoá, công cụ, dụng cụ; hạch toán kịp thời đầy đủ số liệu tình hình biến động của NVL, hàng hoá, CCDC nhập - xuất.
- **Nhân viên kế toán 3:** Kế toán vốn bằng tiền và thanh toán với người mua, người bán. Theo dõi tình hình biến động của vốn bằng tiền trong Công ty và các khoản phải thu, phải trả với khách hàng.

2.1.4.2. Chính sách kế toán áp dụng tại công ty

- **Niên độ kế toán:** Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc ngày 31/12 hàng năm.
- **Chế độ kế toán:** Công ty áp dụng Chế Độ Kế Toán Doanh Nghiệp vừa và nhỏ theo quy định 48/2006/QĐ-BTC, ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng Bộ tài chính.
- **Đơn vị tiền tệ sử dụng:** Đồng Việt Nam.
- **Hình thức kế toán áp dụng:** Nhật ký chung.
- **Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:** Kê khai thường xuyên.
- **Phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho:** Bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ.

- **Phương pháp khấu hao TSCĐ:** Phương pháp khấu hao đường thẳng.
- **Phương pháp tính thuế GTGT:** Phương pháp khấu trừ.

Sơ đồ 2.4: Sơ đồ ghi sổ kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm theo hình thức Nhật ký chung tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ⇒

2.2. Thực trạng tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.

2.2.1. Phân loại chi phí sản xuất

2.2.1.1. Đặc điểm của chi phí sản xuất tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Chi phí sản xuất ở Công ty TNHH bao bì Việt Hưng được xác định là toàn bộ chi phí liên quan đến việc sản xuất sản phẩm. Nhằm đáp ứng yêu cầu quản lý của công ty cũng như các quy định của Nhà nước, Công ty đã phân loại chi phí theo các khoản mục sau:

- Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: Bao gồm các khoản chi phí nguyên liệu chính,... sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm như hạt nhựa LLDPE và LDPE.

- Chi phí nhân công trực tiếp: là những khoản tiền phải trả cho công nhân trực tiếp sản xuất hoặc trực tiếp thực hiện các lao vụ, dịch vụ như chi phí tiền lương cho bộ phận tổ...

- Chi phí sản xuất chung: là những khoản chi phí cần thiết khác phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm phát sinh ở các tổ, bộ phận sản xuất. Chi phí sản xuất chung bao gồm: Chi phí dụng cụ sản xuất cho phân xưởng, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí khác bằng tiền như chi phí điện, điện thoại cố định...

2.2.2. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng

2.2.2.1. Đối tượng hạch toán chi phí sản xuất tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Công ty TNHH bao bì Việt Hưng hiện đang tiến hành sản xuất tập trung với quy mô nhỏ. Chính vì vậy để thuận tiện cho quá trình kế toán chi phí sản xuất, ghi chép, giám sát, phản ánh một cách kịp thời thường xuyên những biến động về chi phí công ty xác định đối tượng hạch toán chi phí sản xuất theo phân xưởng sản xuất.

2.2.2.2. Đối tượng tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Để xác định đối tượng tính giá thành sản phẩm thích hợp, bộ phận kế toán chi phí – giá thành phải căn cứ vào quy trình sản xuất và đặc điểm của sản phẩm sản xuất.

Để phù hợp với đặc điểm tổ chức sản xuất công ty đã xác định đối tượng tính giá thành là túi nilon PE 14×16 cm.

2.2.3. Kỳ tính giá thành và phương pháp tính giá sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng

2.2.3.1. Kỳ tính giá thành tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Nhằm giúp tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán trong việc tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành, giúp các nhà lãnh đạo nắm được tình hình sử dụng chi phí một cách kịp thời và chính xác, có cơ sở để đề ra các biện pháp thích hợp tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm, tăng lợi nhuận doanh nghiệp và có những quyết định phù hợp với yêu cầu quản trị cũng như sự phát triển của doanh nghiệp. Căn cứ vào chu kỳ sản xuất kinh doanh Công ty đã thực hiện xác định tính giá thành là tháng.

2.2.3.2. Phương pháp tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Xuất phát từ thực trạng sản xuất theo quy mô giản đơn, số lượng mặt hàng ít và chu kỳ ngắn của Công ty TNHH bao bì Việt Hưng. Công ty đã lựa chọn phương pháp tính giá thành giản đơn (Phương pháp trực tiếp).

$$\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành} = \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang đầu kỳ}}{\text{dở dang đầu kỳ}} + \frac{\text{Tổng CPSX phát sinh trong kỳ}}{\text{sinh trong kỳ}} - \frac{\text{Chi phí SXKD dở dang cuối kỳ}}{\text{dở dang cuối kỳ}}$$

$$\text{Giá thành đơn vị sản phẩm} = \frac{\text{Tổng giá thành sản phẩm hoàn thành}}{\text{Số lượng sản phẩm hoàn thành}}$$

2.2.4. Nội dung trình tự hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Để minh họa cho dòng chảy số liệu, bài viết tập trung mô tả, số liệu liên quan đến tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm túi nilon PE 14×16 cm trong tháng 12 năm 2013 tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.

2.2.4.1. Hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp: bao gồm chi phí nguyên liệu chính sử dụng trực tiếp cho việc sản xuất chế tạo sản phẩm như hạt nhựa LLDPE và hạt nhựa LDPE.

- **Hệ thống chứng từ:** Hoá đơn GTGT, phiếu xuất kho, bảng kê xuất ...
- **Tài khoản sử dụng hạch toán:**
 - TK 1541: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (được mở chi tiết cho từng loại sản phẩm).
 - TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

- **Sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp:** Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 154, Sổ chi tiết tài khoản 1541(được mở chi tiết cho từng sản phẩm), Bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- **Nội dung hạch toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng**

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp là cơ sở vật chất cấu thành nên thực thể của sản phẩm. Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp ở công ty gồm:

- Nguyên vật liệu chính: hạt nhựa LLDPE và LDPE.

Trước khi tiến hành sản xuất, phòng kế hoạch quản lý sản xuất tiến hành lập kế hoạch và phương án sản xuất kinh doanh. Căn cứ theo các đơn hàng để lập kế hoạch mua nguyên liệu để phục vụ cho việc sản xuất.

Ví dụ: Ngày 2/12/2013 phòng kế hoạch quản lý sản xuất, ban hành lệnh sản xuất như **biểu số 2.2** yêu cầu sản xuất túi nilon PE 14×16 cm.

Biểu số 2.2: Lệnh sản xuất

PHÒNG KẾ HOẠCH QUẢN LÝ SẢN XUẤT

SỐ 22

LỆNH SẢN XUẤT

Tên sản phẩm: Túi nilon PE 14×16 cm

Bộ phận thực hiện: Phân xưởng sản xuất

ST T	Tên và kích cỡ sản phẩm	Số lượng	Vật tư xuất		
			Tên vật tư	ĐVT	Số lượng
1	Túi nilon PE 14×16 cm	3.400	Hạt nhựa LLDPE	kg	1.300
			Hạt nhựa LDPE	kg	2.100
...

Ngày 2 tháng 12 năm 2013

Trưởng phòng kế hoạch QLSX

(ký, ghi họ tên)

Giám đốc duyệt

(ký, ghi họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế hoạch quản lý sản xuất – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào lệnh sản xuất, ngày 2/12/2013 phòng kế quản lý sản xuất cử anh Nguyễn Văn Tư đi mua hạt nhựa LLDPE của công ty TNHH Nam Hoa để phục vụ sản xuất, tổng giá trị tiền mua hàng 22.486.750 (thuế suất 10%), thanh toán bằng chuyển khoản, chứng từ đi kèm là hoá đơn GTGT như **biểu số 2.3**.

Biểu số 2.3: Hoá đơn giá trị gia tăng**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG**

Liên 2: Giao khách hàng

Ngày 2/12/2013

Mẫu số:01GTKT3/001

Ký hiệu: AB/13P

Số: 0000523

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Nam Hoa

Mã số thuế: 0200145757

Điện thoại: (031)3850835

Địa chỉ: 57 Sở Dầu – Hồng Bàng – Hải Phòng.

Họ tên người mua hàng: Nguyễn Văn Tư

Tên đơn vị: Công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Địa chỉ: 310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Số tài khoản: 711A21679506184 – NH TMCP Viettin Bank Kiến An

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Mã số thuế: 0200650559

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt nhựa LLDPE		kg	1.300	1.300	15.725	20.442.500
2							
3							

Cộng tiền hàng: 20.442.500

Thuế suất GTGT: 10%, Tiền thuế GTGT: 2.044.250

Tổng cộng thanh toán: 22.486.750

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu bốn trăm tám sáu ngàn bảy trăm năm mươi đồng chẵn.

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Thủ trưởng đơn vị

(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Ngày 2/12/2013, nguyên liệu về đến công ty, căn cứ hoá đơn GTGT, kế toán tiến hành lập phiếu nhập kho như **biểu số 2.4**.

Biểu số 2.4: Phiếu nhập kho

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HÙNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số 01 – VT
(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU NHẬP KHO

Ngày 2 tháng 12 năm 2013

Quyển số: 02
Số: PN4

Họ và tên người giao: Nguyễn Văn Tư

Theo HĐ GTGT ngày 2/12/2013

Nhập tại kho: Tại kho vật liệu công ty TNHH bao bì Việt Hưng

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực chất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt nhựa LLDPE		kg	1.300	1.300	15.725	20.442.500
2							
3							
	Cộng						20.442.500

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người nhận

Thủ Kho

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

(đã ký)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào phiếu nhập kho (*biểu số 2.4*) kế toán ghi Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ như *biểu số 2.5*.

Biểu số 2.5: Trích sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ (sản phẩm, hàng hoá).

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số S07 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HOÁ)

Năm 2013

Tài khoản: 152

Tên nguyên liệu: Hạt nhựa LLDPE

Đơn vị tính: kg

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn	
	SH	NT				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền
A	B	C	D	E	1	2	3= 1×2	4	5= 1×4	6	7= 1×6
			Số dư đầu kỳ							150	2.340.000
31/12	PN4	31/12	Mua hạt nhựa LLDPE của Nam Hoa, thanh toán bằng chuyển khoản	112	15.725	1.300	20.442.500				
31/12	BKX 01	31/12	Xuất kho hạt nhựa LLDPE để sản xuất túi nilon PE 14×16 cm	1541	15.712			1.300	20.425.600		
...
			Cộng		15.725	2200	34.595.000	2.100	32.995.200		
			Số dư cuối kỳ							250	3.939.800

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào lệnh sản xuất (*biểu 2.2*), phòng kế hoạch quản lý sản xuất lập phiếu yêu cầu xuất vật tư như *biểu số 2.6*.

Biểu số 2.6: Phiếu yêu cầu xuất vật tư

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

PHÒNG KẾ HOẠCH
QUẢN LÝ SẢN XUẤT

PHIẾU YÊU CẦU XUẤT VẬT TƯ CHO SẢN XUẤT

Đơn vị yêu cầu: phân xưởng sản xuất

Mục đích sử dụng: Túi nilon PE 14×16 cm

Mã sản phẩm: PE 14×16

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		
				Dự toán	Yêu cầu	Duyệt
1	Hạt nhựa LLDPE	LLDPE	kg		1.300	1.300
2	Hạt nhựa LDPE	LDPE	kg		2.100	2.100
Tổng cộng có 2 loại vật tư						

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế hoạch quản lý sản xuất – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào phiếu yêu cầu xuất vật tư của bộ phận kế hoạch quản lý sản xuất (*biểu số 2.6*), kế toán tiến hành xuất kho vật liệu để phục vụ sản xuất sản phẩm như *biểu số 2.7*.

Biểu số 2.7: Phiếu xuất kho

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG

Mẫu số 02 - VT

310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 3 tháng 12 năm 2013

Số:PX7

Họ và tên người nhận hàng : Nguyễn Văn Nam

Địa chỉ : 310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Lý do xuất kho : sử dụng cho sản xuất

Xuất tại kho : Kho vật liệu

STT	Tên vật liệu	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực chất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Hạt nhựa LLDPE		kg	1.300	1.300		
2	Hạt nhựa LDPE		kg	2.100	2.100		
	Cộng						

Xuất, ngày 3 tháng 12 năm 2013

Thủ trưởng đơn vị

Kế toán trưởng

Người nhận

Thủ Kho

(Đóng dấu, ghi họ tên)

(Đóng dấu, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(ký, ghi họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ phiếu xuất kho, kế toán vào sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ như *biểu số 2.5* ở trên.

Căn cứ phiếu xuất kho (*biểu số 2.7*), kế toán lập bảng kê xuất kho cùng nội dung sản xuất như *biểu số 2.8*.

Biểu số 2.8: Bảng kê xuất nguyên vật liệu

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG

310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG KÊ XUẤT NGUYÊN VẬT LIỆU

Tên vật liệu: Hạt nhựa LLDPE

Mã vật tư: LLDPE

Số: BKX 01

Tháng 12 năm 2013

Chứng từ		Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng
SH	NT			
PX7	3/12	Xuất hạt nhựa LLDPE phục vụ sản xuất	kg	1.000
PX10	9/12	Xuất hạt nhựa LLDPE phục vụ sản xuất	kg	300
		Cộng		1.300
		Đơn giá		15.712
		Thành tiền		20.425.600

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Kế toán tính đơn giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ của từng loại hàng. Việc tính giá bình quân cả kỳ được thực hiện một lần vào cuối tháng.

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá thực tế NVL tồn đầu tháng} + \text{Trị giá thực tế NVL nhập trong tháng}}{\text{Số lượng thực tế NVL tồn đầu tháng} + \text{Số lượng thực tế NVL nhập trong tháng}}$$

$$\text{Trị giá NVL xuất dùng} = \text{Số lượng NVL xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ}$$

Ví dụ: Đơn giá xuất kho cho tháng 12 của hạt nhựa LLDPE.

❖ **Hạt nhựa LLDPE:**

- Đầu kỳ tồn : 150 kg = trị giá 2.340.000
- Nhập trong kỳ: 1.300 kg = trị giá 20.442.500 đ
- Xuất trong kỳ 1.300 kg

$$\begin{array}{l} \text{Đơn giá xuất kho} \\ \text{thực tế bình quân} \end{array} = \frac{2.340.000 + 20.442.500}{150 + 1.300} = 15.712 \text{ (đồng/kg)}$$

$$\begin{array}{l} \text{Trị giá thực tế xuất kho} \\ \text{của hạt nhựa LLDPE} \end{array} = 15.712 \times 1.300 = 20.425.600 \text{ đ}$$

$$\text{Trị giá tồn kho cuối kỳ} = 2.340.000 + 20.442.500 - 20.425.600 = 2.356.900 \text{ đ}$$

Kế toán xác định đơn giá xuất kho hạt nhựa LDPE tương tự như hạt nhựa LLDPE
Sau khi đã tính ra đơn giá xuất, kế toán tiến hành hoàn thiện vào dòng cộng của các Bảng kê xuất nguyên vật liệu như **biểu số 2.8**.

Căn cứ vào bảng kê xuất nguyên vật liệu (**biểu số 2.8**), kế toán ghi 1 lần vào cuối tháng vào Sổ chi tiết TK 1541 như **biểu số 2.9**.

Biểu số 2.9: Trích Sổ chi phí sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số S18 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

- TK 1541: Chi phí Nguyên vật liệu trực tiếp
- Đối tượng: Túi nilon PE 14×16 cm

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
	SH	NT			Nợ	Có	LLDPE	LDPE	Vật liệu khác	
			SDDK							
31/12	BKX 01	31/12	Xuất kho hạt nhựa LLDPE sản xuất sản phẩm	152	20.425.600		20.425.600			
31/12	BKX 02	31/12	Xuất kho hạt nhựa LDPE sản xuất sản phẩm	152	32.025.000			32.025.000		
31/12	BKX 15	31/12	Xuất kho hạt đen sản xuất sản phẩm	152	3.362.100				3.362.100	
...	
Cộng phát sinh tháng 12						70.512.800		30.521.962	51.247.538	7.981.300
Số dư cuối kỳ										

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào Sổ chi phí sản xuất kinh doanh (*biểu số 2.9*), cuối tháng kế toán lập Bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp như *biểu số 2.10*.

Biểu số 2.10: Bảng tổng hợp chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HÙNG

310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP CHI PHÍ NGUYÊN VẬT LIỆU TRỰC TIẾP

TK 1541: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

Tháng 12 năm 2013

STT	Đối tượng	Thành tiền
1	Túi nilon PE 14×16 cm	70.512.800
2	Túi nilon PE 15×30 cm	48.297.461
3	Túi nilon PE 30×40 cm	55.013.000
4	Túi nilon PE 44×46 cm	37.625.464
5	Túi nilon PE 60×90 cm	51.309.775
	Cộng	262.758.500

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hùng)

Căn cứ vào Hoá đơn mua hàng (**biểu số 2.3**) và Bảng kê xuất nguyên vật liệu như (**biểu số 2.8**) kế toán ghi vào Sổ nhật ký chung như **biểu số 2.11**.

Biểu số 2.11: Trích sổ Nhật ký chung tháng 12/2013

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số 03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	HĐ 0000523	31/12	Mua hạt nhựa LLDPE của công ty Nam Hoa	152	20.442.500	
				133	2.044.250	
				331		22.442.500
31/12	BKX 01	31/12	Xuất kho hạt nhựa LLDPE phục vụ sản xuất	1541	20.425.600	
				152		20.425.600
31/12	BKX 02	31/12	Xuất kho hạt nhựa LDPE phục vụ sản xuất	1541	32.025.000	
				152		32.025.000
...
			Cộng phát sinh		2.550.387.402	2.550.387.402

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ Sổ nhật ký chung **biểu số 2.11**, kế toán tiến hành ghi sổ cái TK 154 như **biểu số 2.12**

Biểu số 2.12: Trích Sổ cái TK 154 tháng 12/2013

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

NT	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
GS						
			Số dư đầu kỳ			
...
31/12	BKX 01	31/12	Xuất kho hạt nhựa LLDPE phục vụ sản xuất	152	20.425.600	
31/12	BKX 02	31/12	Xuất kho hạt nhựa LDPE phục vụ sản xuất	152	32.025.000	
...		
Cộng phát sinh					411.900.591	411.900.591
Số dư cuối tháng						

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

2.2.4.2. *Hạch toán chi phí nhân công trực tiếp tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng*

- **Hệ thống chứng từ:** Bảng chấm công, Bảng thanh toán lương, Bảng trích các khoản theo lương, Bảng tổng hợp lương và trích theo lương, Bảng phân bổ tiền lương ...

- **Tài khoản sử dụng:**

- TK 1542 “ Chi phí nhân công trực tiếp”
- TK 154 “Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang”

- **Sổ sách sử dụng để hạch toán chi phí nhân công trực tiếp:** Sổ nhật ký chung, Sổ cái tài khoản 154, Sổ chi tiết TK 1542 ...

a. Nội dung hạch toán chi phí nhân công trực tiếp sản xuất sản phẩm

- Về việc hạch toán lương công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm:

Hiện nay Công ty TNHH bao bì Việt Hưng có gần 40 lao động. Công nhân trực tiếp sản xuất làm việc 2 ca/ngày mỗi ca làm 8 tiếng. Công ty áp dụng hình thức trả lương cho công nhân theo thời gian. Đối với nhân viên quản lý lương phải trả bao gồm lương trách nhiệm.

- Về việc hạch toán các khoản trích theo lương:

Căn cứ theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội và Nghị định 152/2006/NĐ-CP của Chính phủ hướng dẫn một số điều về bảo hiểm xã hội bắt buộc, theo đó cán bộ công nhân viên tham gia BHXH bắt buộc sẽ thực hiện mức đóng như sau:

	BHXH	BHYT	KPCĐ	BHTN	Cộng
Trừ vào chi phí của DN	17%	3%	2%	1%	23%
Trừ lương của NLĐ	7%	1,5%		1%	9,5%
Cộng	24%	4,5%	2%	2%	32,5%

Công ty TNHH bao bì Việt Hưng tính lương cho công nhân sản xuất trực tiếp dựa vào số ngày làm việc trong tháng. Công thức tính lương như sau:

$$\text{Lương phải trả} = \text{Số ngày công} \times \text{Đơn giá}$$

Công ty ấn định đơn giá 1 ngày công trong hợp đồng ký với người lao động là 105.000 đ/ 1 ngày công.

Theo khối lượng công việc được giao, các tổ trưởng đôn đốc công nhân trong tổ thực hiện đảm bảo đúng tiến độ và yêu cầu kỹ thuật, đồng thời theo dõi

tình hình của từng công nhân. Công ty sử dụng bảng chấm công để kiểm tra số ngày làm việc của công nhân. Cuối tháng, kế toán dựa vào bảng chấm công như **biểu số 2.13** để tính lương cho người lao động.

Biểu số 2.13: Bảng chấm công

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG

310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 12 năm 2013

Bộ phận: tổ 1

STT	Họ và tên	Ngày trong tháng (trừ 5 chủ nhật)							Số công
		1	2	3	...	29	30	31	
1	Nguyễn Văn Nam		x	x		x	x	x	26
2	Phạm Thị Bích		x	x		x	x	x	26
3	Hoàng Văn Sơn		x	x		x	x	x	26
4	Phạm Thị Liên		x	x		x	x	x	25
5	Cao Ngọc Hạnh		x	x		x	x	x	24
6	Lương Thị Vân		x	x		x	x	x	26
7	Bùi Đình Chiến		x	x		x	x	x	25
8	Nguyễn Cao Cường		x	-		x	x	x	24
9	Hoàng Mạnh Đạt		x	x		x	x	x	26
10	Đoàn Kiến Phúc		x	x		x	x	x	26

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: Phòng Kế toán Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Ví dụ: Tháng 12 năm 2013 ở bộ phận tổ 1. Căn cứ vào Bảng chấm công (*biểu số 2.13*), tính lương phải trả cho anh Nguyễn Văn Nam - Tổ trưởng tổ 1.

Kế toán xác định số ngày công thực tế trong tháng 12 của anh Nguyễn Văn Nam là 26:

- + Số tiền lương của Nguyễn Văn Nam là: $105.000 \times 26 = 2.730.000$ đ
- + Tiền phụ cấp ăn trưa của Nguyễn Văn Nam: $15.000 \times 26 = 390.000$ đ
- + Lương trách nhiệm: 300.000 đ/tháng
- Tiền lương phải trả công nhân Nguyễn Văn Nam:
 $2.730.000 + 390.000 + 300.000 = 3.420.000$ đ

Lương các nhân viên khác tính tương tự

• Các khoản trích theo lương tính vào lương công nhân Nguyễn Văn Nam gồm:

▪ BHXH: 7%

$$\text{BHXH} = 2.514.500 \times 7\% = 176.015 \text{ đ}$$

▪ BHYT: 1,5 %

$$\text{BHYT} = 2.514.500 \times 1,5\% = 37.718 \text{ đ}$$

▪ BHTN: 1%

$$\text{BHTN} = 2.514.500 \times 1\% = 25.145 \text{ đ}$$

➤ Số tiền lương công nhân Nguyễn Văn Nam còn được lĩnh là:

$$3.420.000 - (176.015 + 37.718 + 25.145) = 3.181.122 \text{ đ}$$

Các khoản trích theo lương và lương thực lĩnh của các công nhân khác tính tương tự.

Từ bảng chấm công (*biểu 2.13*) kê toán lập Bảng thanh toán lương cho công nhân bộ phận tổ 1 như *biểu số 2.14*.

Biểu số 2.14: Bảng thanh toán lương

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG

Tháng 12 năm 2013

Bộ phận: Tổ 1

STT	Họ tên	Chức danh	Lương thời gian			Phụ cấp trách nhiệm + ăn ca	Tổng lương	Các khoản trích trừ vào lương 9,5%	Thực lĩnh
			Số công	Đơn giá	Số tiền				
1	Nguyễn Văn Nam	TT	26	105.000	2.730.000	690.000	3.420.000	238.878	3.181.122
2	Phạm Thị Bích	CN	26	105.000	2.730.000	390.000	3.120.000	238.878	2.881.122
3	Hoàng Văn Sơn	CN	26	105.000	2.730.000	390.000	3.120.000	238.878	2.881.122
4	Phạm Thị Liên	CN	25	105.000	2.625.000	375.000	3.000.000	238.878	2.761.122
...
	Cộng				26.670.000	4.110.000	30.780.000	2.388.775	24.281.220

Người lập

(Kí, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng

(Kí, ghi rõ họ tên)

Giám đốc

(Kí, ghi rõ họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào Bảng thanh toán lương (*biểu số 2.14*), kế toán tiến hành lập bảng trích các khoản theo lương tháng 12/2013 cho tổ 1 như (*biểu số 2.15*).

Biểu số 2.15: Bảng trích các khoản theo lương

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG TRÍCH CÁC KHOẢN THEO LƯƠNG

Số hiệu : BPBTL - Tháng 12/2013

Bộ phận: Tổ 1

STT	Họ và tên	Lương đóng bảo hiểm	Các khoản trích tính vào chi phí					Các khoản trích tính vào lương				Cộng 32,5%
			BHXH 17%	BHYT 3%	BHTN 1%	KPCĐ 2%	Cộng 23%	BHXH 7%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	Cộng 9,5%	
1	Nguyễn Văn Nam	2.514.500	42.747	75.435	25.145	50.290	578.335	176.015	37.718	25.145	238.878	817.213
2	Phạm Thị Bích	2.514.500	42.747	75.435	25.145	50.290	578.335	176.015	37.718	25.145	238.878	817.213
3	Hoàng Văn Sơn	2.514.500	42.747	75.435	25.145	50.290	578.335	176.015	37.718	25.145	238.878	817.213
4	Phạm Thị Liên	2.514.500	42.747	75.435	25.145	50.290	578.335	176.015	37.718	25.145	238.878	817.213
...
	Cộng	25.145.000	4.274.650	754.350	251.450	502.900	5.783.350	1.760.150	377.175	251.450	2.338.775	8.122.125

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào bảng thanh toán lương (*biểu số 2.14*) và bảng trích các khoản theo lương (*biểu số 2.15*), kế toán lập bảng tổng hợp lương và trích theo lương cho các bộ phận như (*biểu số 2.16*)

Biểu số 2.16: Bảng tổng hợp tiền lương và trích theo lương

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG

310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG TỔNG HỢP LƯƠNG VÀ TRÍCH THEO LƯƠNG - Tháng 12/ 2013

STT	Bộ phận	Tổng lương	Các khoản trích tính vào chi phí					Các khoản trích trừ vào lương				Số tiền thực lĩnh
			BHXH 17%	BHYT 3%	BHTN 1%	KPCĐ 2%	Cộng 23%	BHXH 7%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	Cộng 9,5%	
1	Tổ 1	30.780.000	4.274.650	754.350	251.450	502.900	5.783.350	1.760.150	377.175	251.450	2.338.775	24.281.220
2	Tổ 2	33.480.000	4.702.115	829.785	276.595	553.190	6.361.685	1.936.165	414.893	276.595	2.627.653	30.852.347
3	Tổ 3	42.480.000	5.984.510	1.056.090	352.030	704.060	8.096.690	2.464.210	528.045	352.030	3.344.285	39.135.715
4	Cộng BPSX	106.740.000	14.961.275	2.640.225	880.075	1.760.150	20.241.725	6.160.525	1.320.113	880.075	8.360.713	98.379.287
5	QLDN	14.478.000	2.958.000	522.000	174.000	348.000	4.002.000	1.218.000	261.000	174.000	1.653.000	12.825.000
Cộng tháng 12		121.218.000	17.919.275	3.192.225	1.054.075	2.108.150	24.243.725	7.378.525	1.581.113	1.054.075	10.013.713	111.204.287

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ bảng tổng hợp lương và trích theo lương (*biểu số 2.16*) kế toán lập bảng phân bổ tiền lương như *biểu số 2.17*.

Biểu số 2.17: Bảng phân bổ tiền lương

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG

310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỔ TIỀN LƯƠNG

Số hiệu: BPBTL - Tháng 12 năm 2013

STT	Ghi có TK Đối tượng sử dụng	Có TK 334	Ghi có TK 338								
			Các khoản trích tính vào chi phí					Các khoản trích trừ vào lương			
			BHXH 17%	BHYT 3%	BHTN 1%	KPCĐ 2%	Cộng 23%	BHXH 7%	BHYT 1,5%	BHTN 1%	Cộng 9,5%
1	TK 1542	106.740.000	14.961.275	2.640.225	880.075	1.760.150	20.241.725				
2	TK 642	14.478.000	2.958.000	522.000	174.000	348.000	4.002.000				
3	TK 334							7.378.525	1.581.113	1.054.075	10.013.713
Cộng		121.218.000					24.243.725				10.013.713

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ bảng phân bổ lương như **biểu số 2.17**, kế toán ghi sổ Nhật ký chung như **biểu số 2.18**.

Biểu số 2.18: Trích sổ Nhật ký chung tháng 12/2013

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG

310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số 03a - DNN

(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	BPBTL	31/12	Lương phải trả công nhân viên	1542	106.740.000	
				642	14.478.000	
				334		121.218.000
31/12	BPBTL	31/12	Các khoản trích tính vào chi phí	1542	20.241.725	
				642	4.002.000	
				338		24.243.725
31/12	BPBTL	31/12	Các khoản trích trừ vào lương	334	10.013.713	
				338		10.013.713
...
			Cộng phát sinh		2.550.387.402	2.550.387.402

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng Kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào Nhật ký chung (*biểu số 2.18*), kế toán ghi vào sổ cái TK 154 như *biểu số 2.19*.

Biểu số 2.19: Trích Sổ cái TK 154 tháng 12/2013

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			
31/12	BPBTL	31/12	Lương phải trả công nhân trực tiếp sxsp	334	106.740.000	
31/12	BPBTL	31/12	Các khoản trích tính vào chi phí	338	20.241.725	
...		
Cộng phát sinh tháng 12					411.900.591	411.900.591
Số dư cuối tháng 12						

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào bảng tổng hợp lương và trích theo lương **biểu số 2.16**, kế toán ghi Sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 1542 – Chi phí nhân công trực tiếp như **biểu số 2.20**.

Biểu số 2.20: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số S18 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

TK 1542: Chi phí Nhân công trực tiếp

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra		
	SH	NT			Nợ	Có	Lương	Trích lương	
31/12	BPBTL	31/12	Lương phải trả	334	106.740.000		106.740.000		
31/12	BPBTL	31/12	Các khoản trích tính vào chi phí	338	20.241.725			20.241.725	
Cộng phát sinh tháng 12						126.981.725		106.740.000	20.241.725

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

2.2.4.3. Hạch toán chi phí sản xuất chung tại Công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng

Chi phí sản xuất chung là những khoản chi phí cần thiết khác, phục vụ cho quá trình sản xuất sản phẩm phát sinh ở phân xưởng, bộ phận sản xuất. Chi phí sản xuất chung tại Công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng bao gồm: chi phí dụng cụ sản xuất, chi phí khấu hao TSCĐ dùng cho phân xưởng, chi phí dịch vụ mua ngoài.

a. Hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

- **Hệ thống chứng từ:** Bảng phân bổ phí trả trước dài hạn, Bảng khấu hao, chứng từ khác...

- **Tài khoản sử dụng:**

- TK 1543: Chi phí sản xuất chung.
- TK 154: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.

b. Sổ sách sử dụng: Nhật ký chung, Sổ cái TK 154, Sổ chi tiết TK 1543.

c. Nội dung hạch toán chi phí sản xuất chung

❖ Chi phí về dụng cụ sản xuất

Tổng giá trị dụng cụ sản xuất dùng cho phân xưởng được thể hiện trên bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn tháng 12/2013 như **biểu số 2.21**.

Biểu số 2.21: Bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG

310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN (TK242)

Tháng 12 năm 2013

STT	Tên CCDC	Bộ phận sử dụng	SL	Đơn giá	Thành tiền	TG phân bổ	GTCL kỳ trước	Số tiền PB kỳ này	Đối tượng PB		GTCL
									1543	642	
1	Xe kéo	BPSX	2	550.000	1.100.000	24	828.750	45.833	45.833		782.917
2	Xe đẩy	BPSX	6	310.000	1.860.000	24	545.375	77.500	77.500		467.875
3	Bàn 1,2 m	BPSX	7	800.000	5.600.000	24	3.148.235	233.333	233.333		2.914.902
...
Cộng							18.548.465	5.269.580	4.092.753	1.176.827	13.278.885

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

❖ Chi phí khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được tính theo lượng giá trị của TSCĐ ở thời điểm bắt đầu đưa vào sử dụng. Giá này gọi là nguyên giá. Khi theo dõi TSCĐ người ta còn theo dõi giá trị còn lại. Giá trị còn lại của TSCĐ là nguyên giá sau khi trừ đi số khấu hao lũy kế của tài sản đó. Sau đó, kế toán tiếp tục tính khấu hao TSCĐ theo giá trị còn lại của TSCĐ.

Giá trị còn lại = Nguyên giá – Giá trị hao mòn

$$\text{Mức khấu hao bình quân năm} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ (giá trị còn lại)}}{\text{Số năm sử dụng (số năm còn lại)}}$$

$$\text{Mức khấu hao bình tháng} = \frac{\text{Nguyên giá TSCĐ}}{\text{Số năm sử dụng} \times 12}$$

Ví dụ: Nhà xưởng của Công ty TNHH bao bì Việt Hưng xây dựng năm 2006, có nguyên giá là 151.419.340 đ, thời gian sử dụng là 15 năm. Giá trị còn lại đến năm 2013 là 21.631.334 đ.

Kế toán tiến hành tính khấu hao TSCĐ này cho năm 2013:

$$\text{Mức khấu hao năm} = \frac{151.419.340}{15} = 10.094.623 \text{ đ}$$

$$\text{Mức khấu hao tháng 12} = \frac{10.094.623}{12} = 841.219 \text{ đ}$$

Biểu số 2.22: Bảng tính và phân bổ khấu hao

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG TÍNH VÀ PHÂN BỐ KHẤU HAO

Tháng 12 năm 2013

STT	Tên tài sản	Số năm sử dụng	Nguyên giá	Mức KH năm	Mức KH tháng 12	Nơi sử dụng	
						Sản xuất (TK 1543)	QLDN (TK642)
1	Nhà xưởng	15	151.419.340	10.094.623	841.219	841.219	
2	Nhà kho	10	52.421.659	5.242.166	436.847	436.847	
3	Nhà văn phòng	15	120.600.000	8.040.000	670.000		670.000
4	Máy thổi	10	150.000.000	15.000.000	1.250.000	1.250.000	
5	Máy cắt	10	36.800.000	3.680.000	306.667	306.667	
6	Máy cuộn	10	74.526.000	7.452.600	621.050	621.050	
...
	Cộng			94.022.680	7.835.223	5.715.290	2.119.933

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

❖ **Chi phí dịch vụ mua ngoài:** Chi phí dịch vụ mua ngoài của Công ty TNHH bao bì Việt Hưng là chi phí về tiền điện sản xuất, tiền nước...

Biểu số 2.23: Hoá đơn giá trị gia tăng tiền điện

HÓA ĐƠN TIỀN ĐIỆN GTGT

(Liên 2: Giao khách hàng)

Kỳ: 1 Từ ngày 16/12/2013 đến ngày 15/01/2014

Mẫu số:01GTKT2/001

Ký hiệu: UH/14T

Số:0370973

Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Phòng

Điện lực: Kiến An MST: 0200340211 - 052

Địa chỉ: Số 568 Nguyễn Lương Bằng - Q. Kiến An

Điện thoại: 0313. 790.681 Tài khoản: 711A21679506184 – NH TMCP ViettinBank

Tên & địa chỉ khách hàng : Công ty TNHH bao bì Việt Hưng - 310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

MSTKH: 0200650559

MKH: 904261971

Số công tơ: 022012

Bộ CS	Chỉ số mới	Chỉ số cũ	Hệ số nhân	Điện năng TT	Đơn giá	Thành tiền
BT	19.244	16.672		2.752	1.406	3.616.232
CD	5.631	4.613	1	1.018	2.542	2.587.756
TD	1.826	1.375		451	897	404.547
Ngày: TUQ Giám đốc						
			Cộng			6.608.535
			Thuế suất GTGT: 10% Thuế GTGT			660.854
			Tổng cộng tiền thanh toán			7.269.389
Số tiền viết bằng chữ: Bảy triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm tám mươi chín đồng chẵn.						

Từ các chứng từ liên quan như bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn **biểu số 2.21**, bảng trích khấu hao **biểu số 2.22**, hoá đơn tiền điện **biểu số 2.23**, kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung như **biểu số 2.24**.

Biểu số 2.24: Trích sổ Nhật ký chung tháng 12/2013

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số 03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG
Năm 2013

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	BPB CP	31/12	Phân bổ CP trả trước dài hạn	1543	4.092.753	
				642	1.176.827	
				242		5.269.580
31/12	BPB KH	31/12	Khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất	1543	5.715.290	
				642	2.119.933	
				214		7.835.223
31/12	HĐ 0370973	31/12	Thanh toán tiền điện sản xuất	1543	6.608.535	
				133	660.854	
				111		7.269.389
...
			Cộng phát sinh		2.550.387.402	2.550.387.402

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung (*biểu số 2.24*), kế toán ghi sổ cái TK 154 như *biểu số 2.25*.

Biểu số 2.25: Trích sổ cái TK 154 tháng 12/2013

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			Số dư đầu kỳ			
31/12	BPB CP	31/12	Phân bổ CP trả trước dài hạn	242	4.092.753	
31/12	BPB KH	31/12	Khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất	214	5.715.290	
31/12	HĐ 0370973	31/12	Tiền điện sản xuất tháng 12	111	7.269.389	
...
Cộng phát sinh tháng 12					411.900.591	411.900.591
Số dư cuối tháng 12						

Người ghi sổ

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào bảng phân bổ chi phí trả trước dài hạn *biểu số 2.21*, bảng trích khấu hao *biểu số 2.22*, hoá đơn tiền điện *biểu số 2.23*, kế toán lập sổ chi phí sản xuất kinh doanh như *biểu 2.26*.

Biểu số 2.26: Trích sổ chi phí sản xuất kinh doanh

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HÙNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số S18 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

TK 1543: Chi phí sản xuất chung

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số tiền		Chia ra			
	SH	NT			Nợ	Có	CCDC	KH	Khác	
31/12	BPB CP	31/12	Phân bổ CP trả trước dài hạn	242	4.092.753		4.092.753			
31/12	BPB KH	31/12	Khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất	214	5.715.290			5.715.290		
31/12	HĐ 0370973	31/12	Chi phí tiền điện sản xuất	111	7.269.389				7.269.389	
...	
Cộng phát sinh tháng 12						22.160.366		4.092.753	5.715.290	12.352.323
Số dư cuối kỳ										

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hùng)

2.2.4.4. Tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm

a. Hệ thống chứng từ, tài khoản và sổ sách sử dụng

- **Chứng từ sử dụng:** Bảng phân bổ chi phí sản xuất, Bảng kê nhập kho thành phẩm, Bảng tính giá thành...
- **Tài khoản sử dụng:** TK 154 – Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang.
- **Sổ sách sử dụng:** Nhật ký chung, Sổ cái TK 154...

b. Nội dung tổng hợp chi phí sản xuất, đánh giá sản phẩm dở dang và tính giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng

Cuối tháng, ta tiến hành tính giá thành sản phẩm nhập kho.

Công ty không có sản phẩm dở dang đầu kỳ cũng như không có sản phẩm dở dang cuối kỳ nên không có công tác hạch toán dở dang đầu kỳ, cuối kỳ. Vì vậy, tổng giá thành sản phẩm hoàn thành chính là tổng chi phí phát sinh trong kỳ.

Trong tháng 12/2013, Công ty trách nhiệm hữu hạn bao bì Việt Hưng tiến hành sản xuất 3.400 kg túi nilon PE 14×16 cm. Trong đó đã nhập kho thành phẩm 3.400 kg. Để tính giá thành sản phẩm, kế toán tiến hành tập hợp CPNVLTT, CPNCTT và CPSXC. Trong đó, CPNCTT và CPSXC được phân bổ theo CPNVLTT như **biểu số 2.27**.

Biểu số 2.27: Bảng phân bổ chi phí sản xuất

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HÙNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG PHÂN BỐ CHI PHÍ SẢN XUẤT

Tháng 12 năm 2013

Tên sản phẩm	CPNVLT	CPNCTT	CPSXC	Cộng
Túi nilon PE 14×16 cm	70.512.800	34.057.682	5.923.075	110.493.557
Túi nilon PE 15×30 cm	48.297.461	23.327.674	4.056.987	75.682.122
Túi nilon PE 30×40 cm	55.013.000	26.571.279	4.621.092	86.205.371
Túi nilon PE 44×46 cm	37.625.464	18.173.099	3.160.539	58.959.012
Túi nilon PE 60×90 cm	51.309.775	24.782.621	4.310.021	80.560.529
Cộng	262.758.500	126.981.725	22.160.366	411.900.591

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hùng)

Từ bảng phân bổ chi phí sản xuất (*biểu số 2.7*), kế toán lập bảng tính giá thành sản phẩm túi nilon PE 14×16 cm như *biểu số 2.28*.

Biểu số 2.28: Bảng tính giá thành

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số S19 - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG TÍNH GIÁ THÀNH

Tên sản phẩm: Túi nilon PE 14×16 cm

Khối lượng: 3.400 kg

Tháng 12 năm 2013

Khoản mục chi phí	Giá trị sản phẩm dở dang đầu kỳ	Chi phí sản xuất phát sinh trong kỳ	Giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ	Tổng giá thành	Giá thành đơn vị
Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp	-	70.512.800	-	70.512.800	22.035,25
Chi phí nhân công trực tiếp	-	34.057.682	-	34.057.682	10.642,986
Chi phí sản xuất chung	-	5.923.075	-	5.923.075	1.851
Cộng	-	110.493.557	-	110.493.557	32.498,105

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

(Nguồn dữ liệu: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Cuối tháng kế toán lập bảng kê chứng từ nhập kho thành phẩm như **biểu số 2.29**.

Biểu số 2.29: Bảng kê nhập kho thành phẩm

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG

310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

BẢNG KÊ NHẬP KHO THÀNH PHẨM

Tháng 12 năm 2013

Đối tượng tập hợp chi phí: Phân xưởng sản xuất

Loại hàng: Túi nilon PE 14×16 cm

Nợ TK 155: 110.493.557

Số: BKN 05

Có TK 154: 110.493.557

Chứng từ		Nội dung	Đơn vị tính	Đơn giá	Nhập trong kỳ	
SH	NT				Số lượng	Thành tiền
PN10	9/12	Nhập kho túi nilon PE 14×16 cm	kg	32.498,105	1.000	32.498.105
PN21	17/12	Nhập kho túi nilon PE 14×16 cm	kg	32.498,105	1.500	48.747.158
PN27	21/12	Nhập kho túi nilon PE 14×16 cm	kg	32.498,105	900	29.248.294
		Cộng		32.498,105	3.400	110.493.557

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Thủ kho

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào Bảng kê nhập kho thành phẩm **biểu số 2.29**, kế toán ghi vào Nhật ký chung như **biểu số 2.30**.

Biểu số 2.30: Trích sổ Nhật ký chung tháng 12/2013

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG
310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số 03a - DNN
(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/ QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2013

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
...
31/12	BKX 01	31/12	Xuất kho hạt nhựa LLDPE phục vụ sản xuất	1541	20.425.600	
				152		20.425.600
31/12	BKX 02	31/12	Xuất kho hạt nhựa LDPE phục vụ sản xuất	1541	32.025.000	
				152		32.025.000
31/12	BPBTL	31/12	Lương phải trả công nhân viên	1542	106.740.000	
				642	14.478.000	
				334		121.218.000
31/12	BPB CP	31/12	Phân bổ CP trả trước dài hạn	1543	4.092.753	
				642	1.176.827	
				242		5.269.580
31/12	BKN 05	31/12	Nhập kho túi nilon PE 14×16 cm	155	110.493.557	
				154		110.493.557
...
			Cộng phát sinh		2.550.387.402	2.550.387.402

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán – Công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

Căn cứ vào sổ nhật ký chung (*biểu số 2.30*), kế toán ghi sổ cái TK 154 như *biểu số 2.31*.

Biểu số 2.31: Trích sổ cái TK 154 tháng 12/2013

CÔNG TY TNHH BAO BÌ VIỆT HƯNG

310 Lê Duẩn – Bắc Sơn – Kiến An – Hải Phòng

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo QĐ số 48 /2006/QĐ-BTC
ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CÁI

Năm 2013

Tên tài khoản: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang

Số hiệu: 154

NT GS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu tháng			
31/12	BKX 01	31/12	Xuất kho hạt nhựa LLDPE phục vụ sản xuất	152	20.425.600	
31/12	BKX 02	31/12	Xuất kho hạt nhựa LDPE phục vụ sản xuất	152	32.025.000	
31/12	BPBTL	31/12	Lương phải trả công nhân trực tiếp sản xuất sản phẩm	334	106.740.000	
31/12	BPBTL	31/12	Các khoản trích tính vào chi phí	338	20.241.725	
31/12	BPB CP	31/12	Phân bổ CP trả trước dài hạn	242	4.092.753	
31/12	BPBKH	31/12	Khấu hao TSCĐ phục vụ sản xuất	214	5.715.290	
31/12	HD 0370973	31/12	Tiền điện sản xuất tháng 12	111	7.269.389	
31/12	BKN 05	31/12	Nhập kho túi nilon PE 14×16 cm	155		110.493.557
....
Cộng phát sinh tháng 12					411.900.591	411.900.591
Số dư cuối tháng 12						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên)

(Nguồn: Phòng kế toán công ty TNHH bao bì Việt Hưng)

CHƯƠNG 3:

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM TẠI CÔNG TY TRÁCH NHIỆM BAO BÌ VIỆT HUNG

3.1. Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm nói riêng tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng.

Bất kỳ doanh nghiệp sản xuất nào cũng tìm mọi cách để tối đa hoá lợi nhuận. Và để đạt được mục tiêu đó thì kế toán phải làm tốt công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm, cần phải giám sát chặt chẽ chi phí sản xuất gắn liền với quá trình sử dụng vật tư, tài sản cố định, tiền lương phải trả cho người lao động, một cách hiệu quả trên cơ sở tổ chức hạch toán chi phí tốt hơn và hiệu quả hơn. Từ đó cung cấp đầy đủ thông tin cần thiết cho các nhà quản lý doanh nghiệp.

Công ty TNHH bao bì Việt Hưng từ ngày thành lập đến nay đã không ngừng phát triển về quy mô, chất lượng sản xuất và khẳng định được vị trí của mình trên thị trường bằng các sản phẩm có chất lượng tốt, giá cả hợp lý. Sự nhạy bén, linh hoạt trong công tác tổ chức quản lý đã giúp công ty từng bước hoà nhập và phát triển cùng nền kinh tế của đất nước, chủ động trong sản xuất kinh doanh, tìm kiếm thị trường, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cán bộ, công nhân viên của công ty.

Sau một thời gian thực tập và tìm hiểu thực tế tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng kết hợp với các kiến thức đã học em đã hiểu sâu hơn về thực trạng tổ chức kế toán tại công ty như thế nào đặc biệt là thực trạng tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty. Tuy còn hạn chế về khả năng nhận thức và kinh nghiệm thực tế nhưng qua bài viết này em xin mạnh dạn trình bày một số ý kiến, nhận xét của bản thân về những kết quả đã đạt được và những tồn tại cần được tiếp tục hoàn thiện trong tổ chức kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty.

3.1.1. Ưu điểm

Ngay từ khi thành lập Công ty trách nhiệm bao bì Việt Hưng Ban giám đốc công ty đã có rất nhiều cố gắng, nỗ lực để có được một chỗ đứng trên thị trường. Trong những năm qua quá trình hoạt động kinh doanh của công ty cũng không ngừng được cải thiện, nâng cao. Công tác kế toán nói chung và công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng được ban lãnh đạo đơn vị

rất quan tâm để phù hợp với tình hình kinh tế thị trường hiện nay và yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Trong công tác quản lý, công tác hạch toán chi phí và tính giá thành doanh nghiệp đã đạt được những ưu điểm sau:

❖ **Thứ nhất: Về tổ chức bộ máy quản lý, tổ chức bộ máy kế toán:**

- Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình trực tuyến chức năng, có mối quan hệ chỉ đạo từ trên xuống giúp cho Ban giám đốc công ty thuận tiện trong việc quản lý điều hành.

- Công ty tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung: Toàn bộ công tác kế toán tập trung tại phòng kế toán. Chứng từ sau khi được các phòng thu thập, kiểm tra, xử lý được gửi về phòng kế toán. Phòng kế toán sẽ kiểm tra lại tính chính xác, hợp lệ của chứng từ, tổng hợp thực hiện việc ghi sổ kế toán, lập báo cáo kế toán. Mô hình này phù hợp, đảm bảo quản lý tập trung và thống nhất công tác kế toán, dễ phân công, xử lý và cung cấp thông tin kịp thời giúp lãnh đạo công ty nắm bắt được tình hình hoạt động của công ty.

- Bộ máy kế toán của công ty hoạt động có hiệu quả, nhân viên kế toán có trình độ chuyên môn, nhiệt tình, có tinh thần trách nhiệm, giúp đỡ lẫn nhau trong công việc, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán mới và vận dụng một cách linh hoạt vào tình hình tại công ty nên phòng kế toán của công ty luôn hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình.

❖ **Thứ hai: Về hình thức kế toán áp dụng:**

- Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung, hình thức này rất phù hợp với chế độ kế toán hiện hành và quy mô sản xuất của công ty, tạo điều kiện thuận lợi cho công tác đối chiếu, kiểm tra chi tiết theo chứng từ.

❖ **Thứ ba: Về chứng từ và sổ sách sử dụng:**

- Về việc sử dụng chứng từ, luân chuyển chứng từ tại Công ty thực hiện đúng theo quy định của Bộ tài chính ban hành. Công ty cũng thiết lập hệ thống tài khoản chuẩn do Bộ tài chính quy định.

- Mặt khác phòng kế toán đã xây dựng được hệ thống sổ sách kế toán, cách thức ghi chép, phương pháp hạch toán một cách hợp lý, phù hợp với yêu cầu của chế độ kế toán, vừa giảm bớt khối lượng công việc về ghi chép sổ sách kế toán, vừa tạo được sự chính xác dễ hiểu thông qua các chứng từ sổ sách như: Công ty đã lập sổ chi tiết theo từng đối tượng cụ thể, giúp cho kế toán trưởng và ban lãnh đạo công ty hiểu sâu hơn về quá trình sản xuất kinh doanh của công ty và lập phân tích báo cáo tài chính. Công tác này đã được tiến hành một cách khá tốt đã

giúp cho doanh nghiệp có những quyết định kịp thời trong quá trình sản xuất kinh doanh của công ty.

- Hệ thống chứng từ được tập hợp đầy đủ theo từng nghiệp vụ kinh tế phát sinh và được lập theo đúng biểu mẫu quy định.

- Quy trình luân chuyển chứng từ hợp lý góp phần tạo điều kiện thuận lợi cho việc hạch toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm.

❖ Thứ tư: Về công tác tập hợp chi phí

Đối với khoản mục chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, Công ty TNHH bao bì Việt Hưng đã lựa chọn phương pháp kê khai thường xuyên để tiến hành tập hợp chi phí sản xuất là hoàn toàn phù hợp với điều kiện nền kinh tế thị trường hiện nay. Phương pháp này giúp kế toán thu thập được thông tin về biến động giá một cách thường xuyên, đầy đủ, kịp thời.

3.1.2. Nhược điểm

Bên cạnh những ưu điểm đã được nêu ở trên thì công tác kế toán nói chung, công tác tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm nói riêng tại Công ty còn có những mặt hạn chế cần khắc phục để hoàn thiện hơn. Dưới góc độ là một sinh viên thực tập qua thời gian nghiên cứu tại Công ty em xin đưa ra một số những ý kiến sau:

Thứ nhất: Về công tác hạch toán kế toán

Tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng công tác kế toán còn được thực hiện thủ công. Công ty chưa ứng dụng phần mềm kế toán máy vào bất kỳ một phần hành kế toán nào. Vì vậy đã làm ảnh hưởng không nhỏ đến công tác kế toán, hiệu quả sản xuất kinh doanh, làm giảm đi sự nhanh chóng, chính xác, đảm bảo thông tin kịp thời cho Ban giám đốc trong việc điều hành sản xuất kinh doanh ở công ty. Mặt khác việc lưu trữ, tra cứu, kiểm tra, đối chiếu các số liệu kế toán – tài chính cũng gặp khó khăn hơn.

Thứ hai: Về chế độ kế toán

Hiện tại công ty đang áp dụng chế độ 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 - Chế độ Kế toán Doanh nghiệp nhỏ và vừa do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành. Tuy nhiên hiện tại quy mô của Công ty đã lớn hơn rất nhiều (có 2 cơ sở sản xuất), thì công ty nên áp dụng việc tập hợp chi phí sản xuất theo quyết định 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006.

Thứ ba: Về phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Phương pháp tính giá hàng tồn kho của công ty đang áp dụng là phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ dự trữ. Phương pháp này khá đơn giản, dễ làm, chỉ cần

tính toán một lần vào cuối mỗi tháng vì thế giá thực tế hàng xuất kho chỉ được xác định sau khi hết tháng. Tuy nhiên công tác kế toán lại bị dồn vào cuối kỳ là khá nhiều, ảnh hưởng đến tiến độ của các phân hành khác. Hơn nữa phương pháp này chưa đáp ứng được yêu cầu kịp thời của thông tin kế toán ngay tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ, ảnh hưởng đến việc theo dõi sự biến động của giá hàng xuất bán.

Thứ tư: Về tiền lương và các khoản trích theo lương

Hiện tại công ty trả lương cho công nhân theo hình thức thời gian với mức lương trong hợp đồng lao động ký với người lao động là 105.000 đ/1 ngày công và công ty trích lương theo tối thiểu vùng. Tuy nhiên luật BHXH số 71/2006/QH11 của Quốc hội quy định lao động hưởng lương theo bảng lương thì trích BHXH trên lương cơ bản và phụ cấp có tính chất lương, còn lao động hưởng lương theo hợp đồng của Doanh nghiệp thì căn cứ trích BHXH là số tiền trên hợp đồng. Vì vậy công ty nên thực hiện việc trích BHXH dựa trên tiền lương ký trên hợp đồng của công ty.

Thứ năm: Về thiệt hại trong sản xuất

Thiệt hại trong sản xuất là điều khó tránh khỏi trong quá trình tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Những thiệt hại này có thể do nguyên nhân khách quan hoặc chủ quan gây ra những tổn thất làm chi phí sản xuất tăng lên, ảnh hưởng đến giá thành sản phẩm. Các thiệt hại này phải được hạch toán đúng, đủ để đảm bảo giá thành sản phẩm công ty không bị tăng lên quá cao.

Do có nhiều loại thiệt hại trong sản xuất với các nguyên nhân khác nhau nên công ty cũng phải có các biện pháp khắc phục phù hợp.

3.2. Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm

Hoàn thiện kế toán là một biện pháp cấu thành nên hệ thống quản lý của doanh nghiệp, đồng thời nó cũng là công cụ đắc lực của Nhà nước trong công việc quản lý và chỉ đạo nền kinh tế quốc dân.

Để đảm bảo chức năng quản lý, giám sát một cách toàn diện và có hệ thống mọi hoạt động kinh tế tài chính của doanh nghiệp và toàn bộ nền kinh tế, hệ thống tài chính kế toán phải thực hiện đúng quy định thống nhất, phù hợp, khoa học, khách quan và thích hợp với yêu cầu quản lý của đơn vị.

Mặt khác, mục tiêu theo đuổi của hầu hết các doanh nghiệp là lợi nhuận. Doanh nghiệp luôn tìm mọi biện pháp, nỗ lực, phấn đấu để nâng cao khả năng cạnh tranh và đạt được lợi nhuận cao nhất. Có nhiều nhân tố ảnh hưởng đến lợi nhuận của doanh nghiệp trong đó chi phí sản xuất kinh doanh và giá thành sản

phẩm là một nhân tố ảnh hưởng rất lớn. Tiết kiệm chi phí sản xuất và hạ giá thành sản phẩm là yêu cầu cấp thiết đặt ra đối với nhiều Doanh nghiệp. Để góp phần giải quyết vấn đề đó của doanh nghiệp thì công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cần phải được quan tâm, không ngừng đổi và mới hoàn thiện.

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm cung cấp những thông tin về chi phí sản xuất, giá thành phục vụ cho việc xác định giá thành phẩm tồn kho, giá vốn, giá bán, lợi nhuận.

Yêu cầu của công tác quản lý nói chung, công tác kế toán nói riêng đòi hỏi doanh nghiệp phải tổ chức công tác kế toán tập hợp chi phí sản xuất một cách kịp thời, chính xác. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất phát sinh không chỉ là việc tổ chức, ghi chép, phản ánh một cách đầy đủ, trung thực về mặt hao phí của từng loại chi phí mà cả về mặt tính toán các chi phí bằng tiền theo đúng nguyên tắc về đánh giá và phản ánh đúng giá trị thực tế của chi phí ở thời điểm phát sinh chi phí. Kế toán chính xác chi phí đòi hỏi phải tổ chức việc ghi chép, tính toán và phản ánh từng loại chi phí sản xuất theo đúng địa điểm phát sinh chi phí và theo đúng đối tượng chịu chi phí.

Bên cạnh đó chúng ta cũng biết giá thành sản phẩm là chỉ tiêu kinh tế tổng hợp phản ánh chất lượng hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp. Muốn sử dụng chỉ tiêu giá thành sản phẩm vào quản lý cần thiết phải tổ chức tính đúng, tính đủ giá thành của các loại sản phẩm mà doanh nghiệp sản xuất ra. Tính đúng là tính chính xác và hạch toán đúng nội dung kinh tế của chi phí đã hao phí để sản xuất sản phẩm. Muốn vậy, doanh nghiệp phải xác định đúng đối tượng tính giá thành, vận dụng phương pháp tính giá thích hợp và tính giá thành phải được tính trên cơ sở số liệu kế toán tập hợp chi phí một cách chính xác. Tính đủ là tính toán đầy đủ mọi hao phí đã bỏ ra trên cơ sở hạch toán kinh doanh để tính đầy đủ vào theo đúng chế độ quy định.

Chi phí và giá thành là những chỉ tiêu kinh tế quan trọng của doanh nghiệp. Vì vậy, việc xác định đúng, đủ chi phí, giá thành có ý nghĩa vô cùng quan trọng giúp các nhà quản trị doanh nghiệp có những quyết định đúng đắn để đạt hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

Tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm luôn cần được xem xét, đổi mới để phù hợp với điều kiện của Công ty, tìm ra phương hướng hiệu quả hơn đối với việc xây dựng công cụ tính giá thành, đảm bảo mục tiêu tiết kiệm được chi phí, hạ thấp giá thành sản phẩm.

Để đạt được điều này Công ty cần có các biện pháp như: tận dụng tối đa công suất làm việc của máy móc, thiết bị, nâng cao năng suất lao động... Tổ chức tốt công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm sẽ giúp doanh nghiệp đưa ra được các quyết định tối ưu. Vì vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là yêu cầu khách quan, trọng tâm và có ý nghĩa chiến lược đối với sự phát triển của Công ty.

3.3. Yêu cầu và phương hướng hoàn thiện tổ chức kế toán CPSX – Z sản phẩm tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng.

Việc hoàn thiện tổ chức kế toán nói chung và kế toán chi phí sản xuất giá thành sản phẩm nói riêng cần dựa vào những cơ sở sau:

Thứ nhất, đảm bảo sự phù hợp giữa đặc điểm tổ chức sản xuất kinh doanh và tổ chức quản lý của doanh nghiệp với chế độ kế toán chung. Bởi vì mỗi doanh nghiệp có những đặc điểm riêng, do đó cần phải vận dụng chế độ kế toán một cách linh hoạt, hợp lý trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, tính chất hoạt động và quy mô của mình sẽ giúp cho doanh nghiệp đạt hiệu quả cao trong công tác quản lý nói chung và công tác kế toán nói riêng.

Thứ hai, đảm bảo sự tuân thủ thống nhất, chặt chẽ giữa những quy định trong điều lệ tổ chức kế toán Nhà nước trong chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành với chế độ kế toán đặc thù ngành sản xuất kinh doanh.

Thứ ba, đảm bảo sự tiết kiệm, hiệu quả trong việc tổ chức công tác kế toán của doanh nghiệp. Như vậy phải tổ chức công tác kế toán khoa học, hợp lý, tiết kiệm nhưng vẫn phải đảm bảo thực hiện tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế toán để chất lượng công tác kế toán đạt được cao nhất với chi phí thấp nhất.

Thứ tư, đảm bảo thực hiện tốt chức năng thông tin cho nhà quản lý vì mục tiêu hoàn thiện công tác kế toán là cung cấp thông tin kịp thời, chính xác, để nhà quản trị có những quyết định đúng đắn.

3.4. Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng

3.4.1. Kiến nghị 1: Việc hiện đại công tác kế toán và đội ngũ kế toán

Hiện nay Công ty đang áp dụng mô hình kế toán tập trung nên chứng từ kế toán đều được tập trung chủ yếu tại phòng kế toán của công ty. Vì vậy công việc của phòng kế toán Công ty rất nhiều, đặc biệt là vào cuối mỗi kỳ kế toán. Ngoài ra tại Công ty, công tác hạch toán kế toán được thực hiện thủ công. Máy tính chỉ dùng để soạn thảo văn bản, kê mẫu sổ sách và chỉ ứng dụng Excel để tính lương trong Bảng thanh toán lương, khấu hao hàng tháng của TSCĐ. Công việc kế

toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm phải dồn vào cuối tháng nên ảnh hưởng đến tính kịp thời của thông tin kế toán. Đây là một hạn chế lớn trong tổ chức kế toán vì trong điều kiện ứng dụng công nghệ kỹ thuật hiện đại như hiện nay để giảm bớt thời gian cũng như khối lượng công việc thì việc áp dụng phần mềm kế toán máy vi tính trong kế toán cho phép xử lý tổng hợp chứng từ một cách nhanh chóng, thuận tiện, an toàn, hiệu quả nhất.

Bởi vậy, Công ty cần trang bị các thiết bị máy tính có cài các chương trình phần mềm kế toán ứng dụng sao cho phù hợp với điều kiện thực tế tại Công ty. Việc ứng dụng phần mềm kế toán sẽ giảm bớt khối lượng công việc, giúp cho việc thu nhận, tính toán xử lý, cung cấp thông tin một cách nhanh chóng kịp thời đáp ứng nhu cầu đòi hỏi của các đối tượng sử dụng thông tin, giúp công tác lưu trữ bảo mật tài liệu một cách hiệu quả và an toàn. Việc áp dụng máy vi tính vào công tác kế toán sẽ làm giảm khối lượng công việc cũng như công sức cho nhân viên kế toán trong công ty. Tuy nhiên, việc sử dụng máy vi tính để làm công tác kế toán máy không phải là đơn giản. Công ty nên cử cán bộ đi học và tập huấn cách sử dụng phần mềm kế toán mà công ty áp dụng.

Khi trang bị máy vi tính có cài phần mềm, đội ngũ kế toán cần được đào tạo, bồi dưỡng để khai thác hết được những tính năng ưu việt của mỗi phần mềm.

Công ty có thể tự viết phần mềm theo tiêu chuẩn quy định tại Thông tư số 103/2005/TT- BTC của Bộ tài chính ký ngày 24/11/2005 về việc “**Hướng dẫn tiêu chuẩn và điều kiện của phần mềm kế toán**” hoặc đi mua phần mềm kế toán của các nhà cung ứng phần mềm kế toán chuyên nghiệp như:

- *Phần mềm kế toán SAS INNOVA của Công ty cổ phần SIS Việt Nam*
- *Phần mềm kế toán MISA của Công ty cổ phần MISA*
- *Phần mềm kế toán ACMAN của Công ty cổ phần ACMAN*
- *Phần mềm kế toán EFFECT của Công ty cổ phần EFFECT*
- *Phần mềm kế toán BRAVO của Công ty cổ phần BRAVO*

Khi sử dụng phần mềm này việc kiểm tra xử lý, cung cấp thông tin kinh tế - tài chính sẽ được nhanh chóng, chính xác, kịp thời. Bên cạnh đó là tiết kiệm được sức lao động mà hiệu quả công việc vẫn cao, các dữ liệu được lưu trữ, bảo quản cũng thuận lợi và an toàn hơn.

3.4.2. Kiến nghị 2: Về chế độ kế toán

Trong thời gian đầu công ty mới thành lập, do quy mô còn nhỏ nên việc áp dụng tập hợp chi phí sản xuất theo quyết định 48 là hợp lý. Nhưng hiện nay quy mô của công ty đã lớn hơn nhiều, đã có 2 cơ sở sản xuất thì công ty nên áp dụng

Sinh viên: Nghiêm Thị Cúc - QT 1401K

việc tập hợp chi phí sản xuất theo quyết định số 15.

Theo chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ thì điều kiện để chuyển đổi từ quyết định 48 sang 15 là:

Điều 4 của quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 quy định: “Doanh nghiệp nhỏ và vừa áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 phải thông báo cho cơ quan Thuế quản lý doanh nghiệp và phải thực hiện ổn định ít nhất trong thời gian là 2 năm. Trường hợp chuyển đổi trở lại áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa, phải thông báo lại cho cơ quan Thuế. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng công báo.

Kể từ khi thành lập năm 2006 đến nay doanh nghiệp đã có 8 năm hoạt động, vì vậy công ty hoàn toàn đủ điều kiện để có thể áp dụng quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 20/3/2006.

Theo quyết định này các khoản mục chi phí sẽ được hạch toán như sau:

- + TK 621: Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp (được tập hợp chi tiết cho từng sản phẩm).
- + TK 622: Chi phí nhân công trực tiếp.
- + TK 627: Chi phí sản xuất chung.

3.4.3. Kiến nghị 3: Về phương pháp tính giá nguyên vật liệu xuất kho

Hiện nay công ty tính giá nguyên vật liệu xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Đặc trưng của phương pháp này là đến cuối tháng kế toán mới xác định được giá trị vật liệu xuất kho nên không đảm bảo được tính kịp thời trong việc cung cấp thông tin. Công ty nên thay đổi phương pháp tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn.

Với phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ liên hoàn kế toán phải tính lại đơn giá bình quân nguyên vật liệu sau mỗi lần nhập. Vì vậy, đơn giá thường xuyên được cập nhật và có tính chính xác cao. Việc chuyển đổi sang phương pháp này công ty hoàn toàn có thể thực hiện được, tuy khối lượng tính toán tương đối nhiều nhưng với sự hỗ trợ của máy tính, cách làm trên Excel cùng với việc công ty đã theo dõi được cụ thể từng lần nhập xuất nguyên vật liệu trên sổ chi tiết của từng loại vật tư thì việc tính giá hàng xuất kho của từng mặt hàng sẽ trở nên dễ dàng và nhanh chóng hơn rất nhiều.

Công thức tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn như sau:

$$\frac{\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn sau lần nhập } i}{\text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn sau lần nhập } i} = \frac{\text{Trị giá hàng tồn kho sau lần nhập } i}{\text{Lượng hàng tồn kho sau lần nhập } i}$$

$$\text{Trị giá NVL xuất dùng} = \text{Số lượng NVL xuất dùng} \times \text{Giá đơn vị bình quân gia quyền liên hoàn sau lần nhập } i$$

Việc thay đổi phương pháp tính giá hàng xuất kho cần phải được thực hiện từ đầu niên độ và thực hiện theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

Sử dụng phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn sẽ khắc phục được hạn chế của phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ. Với phương pháp này ta có thể xác định được trị giá vốn thực tế nguyên vật liệu xuất kho, đảm bảo yêu cầu cung cấp thông tin kịp thời, thường xuyên, liên tục của ban lãnh đạo cho việc quản lý sử dụng vật tư và ra các quyết định quản trị.

3.4.4. Kiến nghị 4: Về các khoản trích theo lương

Hiện tại lao động của Công ty hưởng lương theo hợp đồng lao động do chủ doanh nghiệp quyết định và để đảm bảo quyền lợi cho người lao động đồng thời tính đúng tính đủ chi phí giá thành sản phẩm do vậy các khoản trích theo lương của người lao động tại công ty sẽ thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 94 Luật Bảo hiểm xã hội số 71/2006/QH11 của Quốc hội ban hành ngày 29/06/2006 thì các khoản trích bảo hiểm là lương ghi trên hợp đồng. Nếu trường hợp lương trên hợp đồng thấp hơn tối thiểu vùng thì trích theo tối thiểu vùng.

Cách tính lương phải trả công nhân Nguyễn Văn Nam – Tổ trưởng tổ 1:

- + Lương theo hợp đồng lao động = 2.730.000 đ > 2.514.500 (Lương tối thiểu vùng)
- + Các khoản trích trừ vào lương:
 - BHXH: $2.730.000 \times 7\% = 191.100$ đ
 - BHYT: $2.730.000 \times 1,5\% = 40.950$ đ
 - BHTN: $2.730.000 \times 1\% = 27.300$ đ
- + Tiền phụ cấp ăn ca: 390.000 đ
- + Lương trách nhiệm: 300.000 đ
- Số tiền công nhân Nguyễn Văn Nam thực lĩnh:
 $2.730.000 + 390.000 + 300.000 - 191.100 - 40.950 - 27.300 = 3.160.650$ đ

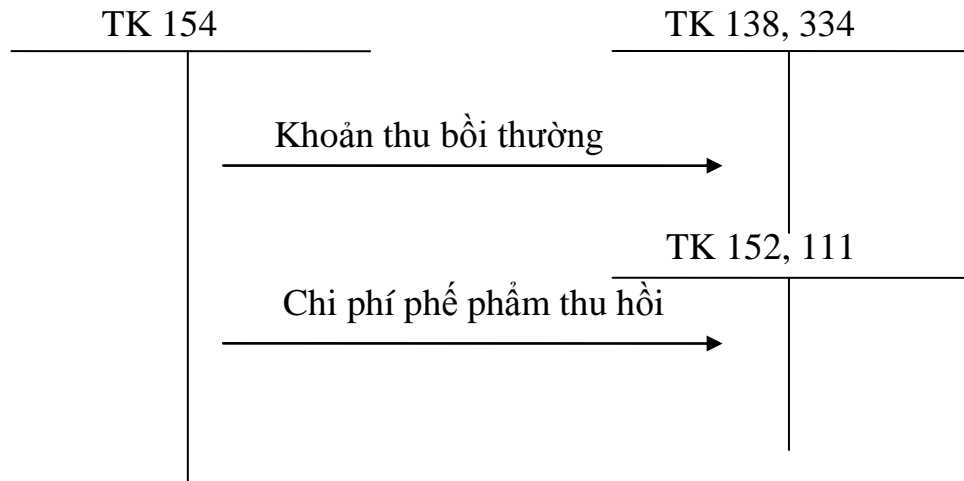
3.4.5. Kiến nghị 5: Về thiệt hại trong sản xuất

Công ty không theo dõi các khoản thiệt hại trong sản xuất điều này đã dẫn tới một hạn chế trong việc quản lý chi phí và quản lý người lao động. Do không

theo dõi cụ thể nên công ty khó có thể thu hồi các khoản bồi thường thiệt hại. Vì không quy trách nhiệm được cho cá nhân cụ thể nào gây ra thiệt hại nên không giáo dục ý thức cẩn thận trong lao động của công nhân và có thể dẫn tới sai phạm tiếp theo. Để tránh tình trạng này, công ty nên tiến hành hạch toán cụ thể các khoản chi phí thiệt hại.

Sản phẩm hỏng của công ty hiện nay (nếu có) thuộc loại sản phẩm hỏng không sửa chữa được.

+ Sản phẩm hỏng không sửa chữa được



3.5. Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm tại Công ty TNHH bao bì Việt Hưng.

3.5.1. Về phía Nhà nước

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ rõ ràng, ban hành các quyết định thông tư trong chế độ kế toán mang tính chất bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ tạo điều kiện cho công ty hoạt động dễ dàng và có hiệu quả.
- Có những chính sách hỗ trợ, tạo điều kiện trong quá trình công ty đầu tư trang thiết bị máy móc kỹ thuật để khuyến khích sự phát triển của công ty.

3.5.2. Về phía doanh nghiệp

- Thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính, quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm, chống lãng phí. Cắt giảm các khoản chi phí không cần thiết, chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định về quản lý tài chính, ngăn ngừa các hiện tượng thất thoát vật tư, tiền vốn, để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Công ty phải tận dụng các mối quan hệ có sẵn để có thể giao thiệp tạo các mối quan hệ mới với khách hàng mới và cử nhân viên đi khảo sát thị trường đồng thời tìm kiếm những khách hàng mới.

- Bên cạnh đó công ty nên tạo mối quan bền vững lâu dài với các khách hàng quen thuộc, lâu năm. Một đặc điểm nổi bật trong nền kinh tế thị trường hiện nay đó là tính cạnh tranh rất cao. Vì thế, việc giữ mối quan hệ bền vững, lâu dài và tốt đẹp với khách hàng quen thuộc là điều kiện rất cần thiết với doanh nghiệp để có thể tồn tại và phát triển
- Về nguồn nhân lực: Tạo mọi điều kiện để đội ngũ các nhân viên kế toán nắm vững các nghiệp vụ kinh tế, luật kế toán, tài chính doanh nghiệp thích ứng với yêu cầu đòi hỏi của nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó đội ngũ cán bộ kế toán còn phải là người có trách nhiệm, hết lòng vì công việc, có trình độ chuyên môn, biết cách thực hiện và hoàn thành tốt các nhiệm vụ được giao.

KẾT LUẬN

Kế toán tập hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm là một vấn đề vừa mang tính lý luận vừa mang tính thực tế cao. Để kế toán phát huy hết hiệu quả của mình trong quản lý kinh tế, việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán tập hợp chi phí tính giá thành sản phẩm nói riêng là một tất yếu khách quan.

Việc nghiên cứu tổ chức kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm tại công ty TNHH bao bì Việt Hưng đã giúp em hiểu thêm thực tế về công tác hạch toán chi phí sản xuất – giá thành sản phẩm và tầm quan trọng của nó tại công ty. Khóa luận đã hệ thống một số vấn đề lý luận về kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp sản xuất, nghiên cứu và đánh giá chân thực nhất về tổ chức kế toán này tại công ty đồng thời đề xuất một số kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện tổ chức công tác kế toán tại công ty.

Tuy nhiên, do thời gian, trình độ cũng như nhận thức của bản thân còn hạn chế nên bài khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em kính mong nhận được sự góp ý, chỉ bảo của các thầy cô giáo, các bác, các anh chị trong phòng kế toán của Công ty để bài khóa luận của em được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự hướng dẫn tận tình của Thầy giáo Thạc sĩ Nguyễn Đức Kiên, cảm ơn sự giúp đỡ, tạo điều kiện của các anh chị trong phòng kế toán của Công ty TNHH bao bì Việt Hưng cùng toàn thể các thầy cô trong khoa Quản trị kinh doanh và Nhà trường đã tạo điều kiện thuận lợi cho em hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, tháng 6 năm 2014

Sinh viên

Nghiêm Thị Cúc

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. TS. Võ Văn Nhị. Kế toán chi phí sản xuất & tính giá thành sản phẩm trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản thống kê năm 2002.
2. TS. Phan Đức Dũng. Kế toán chi phí giá thành trong doanh nghiệp. Nhà xuất bản thống kê năm 2007.
3. TS. Bùi Văn Trường. Kế toán chi phí. Nhà xuất bản Lao động xã hội năm 2006.
4. Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ - Bộ tài chính. Nhà xuất bản Thống kê năm 2006. Chứng từ và sổ kế toán báo cáo tài chính, sơ đồ kế toán (tập II). Nhà xuất bản Thống kê năm 2009.
5. Khoá luận của các anh chị khoá trên của trường Đại học Dân lập Hải Phòng...